



**BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

**2**

Tháng 01 - 2015

# HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN TỔNG KẾT CÔNG TÁC NGÀNH XÂY DỰNG NĂM 2014

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2015



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu kết luận Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị

**THÔNG TIN  
XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

**THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
MỖI THÁNG 2 KỶ**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
NĂM THỨ MƯỜI SÁU**

**2**

**SỐ 2 - 01/2015**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## **MỤC LỤC**

### **Văn bản quản lý**

#### **Văn bản các cơ quan TW**

- Quyết định số 52/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050 5
- Quyết định số 134/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Xây dựng gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2014 - 2020 7

#### **Văn bản của địa phương**

- Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam về việc Quy định về mức tỉ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Hà Nam 10
- Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau về việc Quy định về mức tỉ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Cà Mau 11
- Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định tỉ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước; đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và quy định đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk 13

## **CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

**TS. ĐẶNG KIM GIAO**

### **Ban biên tập:**

CN. BẠCH MINH TUẤN  
(**Trưởng ban**)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN  
CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN  
CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC  
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH  
ThS. PHẠM KHÁNH LY  
ThS. HOÀNG ĐẠI HẢI

### **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu đánh giá khả năng sản xuất hàng loạt máy thi công xây dựng phục vụ chương trình nội địa hóa các sản phẩm cơ khí xây dựng” 15
- Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu sử dụng tro bay hàm lượng mất khi nung lớn hơn 6% làm phụ gia cho sản xuất bê tông và vữa xây dựng” 16
- Nghiệm thu các đề tài khoa học của Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định 17
- Hội nghị kiểm điểm, đánh giá kết quả triển khai Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Xây dựng giai đoạn đến năm 2015 19
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Plei Kần mở rộng là đô thị loại IV 21
- Giải pháp bảo đảm cho việc xây dựng những công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, bền vững và an toàn sinh thái ở Liên bang Nga 22
- Hiệu quả của việc sử dụng lớp đệm cát đầm chặt trong xây dựng nhà cao tầng trên nền đất yếu 26
- Những khó khăn đối với dự án xây dựng đường cao tốc trên cao nguyên Thanh Hải - Tây Tạng 29

### **Thông tin**

- Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác ngành Xây dựng năm 2014 31
- Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổng kết công tác năm 2014 và triển khai nhiệm vụ năm 2015 33
- Hội nghị Tổng kết công tác năm 2014 và triển khai nhiệm vụ năm 2015 của Viện Kinh tế xây dựng 36
- Hội thảo báo cáo thực hiện tiết kiệm nước theo cơ chế tín chỉ chung 38
- Trung Quốc: Đô thị hóa kiểu mới cần được phát triển khoa học 39
- Chuyển đổi mô hình đô thị hóa kiểu mới và mô hình quy hoạch đô thị và nông thôn 42
- Tỉnh Giang Tô (Trung Quốc) xây dựng nông thôn có chất lượng cuộc sống cao 45



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Quyết định số 52/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050**

Ngày 14/01/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 52/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050 với tính chất và chức năng đô thị: Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và đầu mối giao lưu của tỉnh Nghệ An; đầu tàu tăng trưởng và giải quyết các nhiệm vụ trọng yếu về phát triển kinh tế của tỉnh Nghệ An và vùng Bắc Trung bộ; đô thị loại I, trung tâm của vùng Bắc Trung bộ về các lĩnh vực tài chính, thương mại, du lịch, khoa học - công nghệ, công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ cao, y tế, văn hóa, thể thao, giáo dục - đào tạo; có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng, đầu mối giao thông quốc gia, quốc tế.

Theo Điều chỉnh này, quy mô dân số quy hoạch dự báo đến năm 2020 khoảng 667.000 người, trong đó dân số đô thị chiếm 78%, với tỉ lệ tăng từ 3% - 3,6%/năm. Quy mô dân số quy hoạch dự báo đến năm 2030 khoảng 900.000 người, trong đó dân số đô thị chiếm 90%, với tỉ lệ tăng 2,8% - 3,3%/năm từ 2020 - 2030. Quy mô lao động dự báo đến năm 2030 đạt khoảng 450.000 người, chiếm tỉ lệ 50% dân số. Trong đó, phân bố trong ngành nông - lâm - ngư nghiệp là 22.000 người, chiếm tỉ lệ 5%, ngành công nghiệp và xây dựng là 180.000 người, chiếm tỉ lệ 40%, ngành dịch vụ là 248.000 người, chiếm tỉ lệ 55%. Về quy mô đất đai, tổng diện tích đất lập quy hoạch khoảng 250 km<sup>2</sup>, bao gồm: Đất dân dụng khoảng 114,319 km<sup>2</sup>, đất ngoài dân dụng khoảng 69,419 km<sup>2</sup>, đất khác khoảng 66,27 km<sup>2</sup>.

Cũng theo Điều chỉnh này, vùng quy hoạch đô thị Vinh phát triển theo mô hình "Đô thị đa

cực sinh thái phi tập trung, nhất thể hóa giữa đô thị với nông thôn và tự nhiên"; phát triển độc lập nhưng kết nối đồng bộ 3 khu vực đô thị: Vinh - Hưng Nguyên; Cửa Lò; Quán Hành - Khu kinh tế Đông Nam bằng các trục giao thông chính. Kết nối mềm giữa các khu vực đô thị là không gian nông nghiệp - nông thôn mới và không gian thiên nhiên ven sông Lam, nhằm bảo tồn cảnh quan sinh thái tự nhiên, phát triển du lịch, gắn kết các khu danh thắng, di tích lịch sử văn hóa của vùng phụ cận. Về phân vùng phát triển đô thị, không gian đô thị Vinh được chia thành 4 phân vùng trong đó có 3 phân vùng phát triển đô thị và 1 phân vùng là khu vực liên kết, cụ thể như sau: Phân vùng thứ nhất là khu vực đô thị trung tâm, gồm thành phố Vinh hiện hữu và mở rộng về phía Tây thuộc huyện Hưng Nguyên, với tổng diện tích đất khoảng 110,27 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 559.000 người, có chức năng là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, đầu mối về thương mại, du lịch, y tế, giáo dục đào tạo, công nghiệp sạch và công nghiệp công nghệ cao và các khu đô thị mới. Định hướng phát triển như sau: Khu vực trung tâm thành phố Vinh hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang khu vực trung tâm, các khu dân cư cũ, xây dựng hoàn thành các dự án đô thị mới, các trung tâm thương mại, văn hóa - thể thao, giáo dục đào tạo, và phát triển hạ tầng đồng bộ với khu vực đô thị Vinh hiện hữu; phát triển về phía Bắc, cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, phát triển các khu chức năng, khu đô thị mới hiện đại có dải cây xanh cảnh quan ngăn cách với quốc lộ 1, công viên rừng kết hợp nông thôn mới; phát triển về phía Đông - Đông Bắc, cải tạo

chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, phát triển các khu chức năng (khu trung tâm công cộng, trung tâm tài chính, khu trung tâm công nghệ thông tin tại các trường đại học, bệnh viện đa khoa tỉnh và bệnh viện quốc tế, công viên sinh thái, các khu đô thị sinh thái và hệ thống du lịch sinh thái sông Lam); phát triển về phía Nam, phát triển không gian đô thị đến quốc lộ 1 tuyến tránh Vinh, xây dựng khu đô thị mật độ thấp, đảm bảo vùng đệm cây xanh và trữ nước; về phía Tây, phát triển theo các trục quốc lộ 46 mới, quốc lộ 46 cũ và trục trung tâm Vinh - Hưng Tây, cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, phát triển khu hỗn hợp công nghiệp, đô thị, dịch vụ có diện tích khoảng 1.100 ha, bao gồm vùng mở rộng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An phát triển Tổ hợp khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ diện tích 750 ha. Phân vùng thứ hai là khu vực đô thị Cửa Lò hiện hữu và mở rộng về phía Tây thuộc huyện Nghi Lộc, với tổng diện tích đất khoảng 41,99 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 200.000 người, có chức năng là đô thị du lịch biển, đồng thời phát triển các khu đô thị mới có trọng tâm về các lĩnh vực giáo dục đào tạo, thể dục thể thao, du lịch nghỉ dưỡng. Định hướng phát triển như sau: Khu vực Cửa Lò hiện hữu, chỉnh trang đô thị hiện hữu, khu vực cuối đại lộ Vinh - Cửa Lò là trung tâm đô thị mới, xây dựng đồng bộ Trung tâm du lịch biển trong đó bố trí một số khu dịch vụ du lịch cao cấp, gắn với khai thác đảo Ngư được liên kết với đất liền bằng hệ thống cáp treo và tàu thủy cao tốc, nâng cấp, mở rộng cảng Cửa Lò theo quy hoạch được phê duyệt, phát triển dịch vụ vận tải biển, duy trì, phát triển ngành nghề hải sản trở thành nghề du lịch; khu vực phía Tây, phát triển các khu chức năng có tính chất vùng như Đô thị đại học và Khu liên hợp thể thao vùng Bắc Trung bộ. Phân vùng thứ ba là khu vực đô thị Quán Hành - Khu kinh tế Đông Nam, với tổng diện tích đất khoảng 25,37 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 54.000 người, có chức năng là trung tâm công nghiệp và đầu mối vận tải hàng hóa,

đồng thời phát triển các khu đô thị mới với định hướng phát triển: Khu vực đô thị Quán Hành hiện hữu và phía Nam đường N5, chỉnh trang đô thị hiện hữu, phát triển các khu đô thị mới, các trung tâm hành chính khu vực, các trung tâm thương mại đầu mối; khu vực phía Bắc đường N5, phát triển các khu công nghiệp tập trung, công nghiệp công nghệ cao, khu phi thuế quan. Phân vùng thứ tư là vùng đệm thuộc vùng nông thôn và vùng ven cửa các phân vùng phát triển, với tổng diện tích đất khoảng 72,37 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 87.000 người, chức năng chính là khu vực nông thôn - nông nghiệp, khu vực dự trữ phát triển và hệ thống sông hồ, là không gian đệm giữa các khu vực đô thị, phát triển theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên cơ sở cải tạo khu dân cư nông thôn, khuyến khích xây dựng nhà ở truyền thống, bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử văn hóa và các làng nghề, kết hợp du lịch sinh thái và đầu tư phát triển nông nghiệp năng suất cao.

Về định hướng thiết kế đô thị, đối với vùng lõi đô thị Vinh, thiết kế khu vực Quảng trường Hồ Chí Minh, quần thể công viên Trung tâm, công viên Nguyễn Tất Thành và hệ thống các cơ quan hành chính trung tâm tỉnh và thành phố theo hướng hiện đại; trục đường Quang Trung, cải tạo khu vực chung cư cũ phía Đông đường Quang Trung thành tuyến phố hiện đại cho trung tâm đô thị, cải tạo khu vực chợ Vinh, thiết kế, chỉnh trang lại khu vực bảo tồn giá trị truyền thống... Vùng Quán Hành - Khu kinh tế Đông Nam, xây dựng công trình kiến trúc mang tính biểu tượng cho đô thị công nghiệp, cửa ngõ phía Bắc thành phố, bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu công nghiệp, dọc quốc lộ 1A. Vùng đô thị Cửa Lò, xây dựng các công trình kiến trúc mang tính biểu tượng, điểm nhấn tại các khu vực trung tâm đô thị du lịch biển và Khu đô thị Đại học, thiết kế khu vực Quảng trường mới tại điểm kết thúc đại lộ Vinh - Cửa Lò, phát triển các không gian cây xanh mặt nước ven biển. Vùng nông thôn, cải tạo và xây dựng nông thôn

mới trên cơ sở giữ gìn cấu trúc không gian làng, xã truyền thống, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và cảnh quan thiên nhiên gắn với khai thác du lịch nông thôn, phát triển các mô hình nhà ở sinh thái, cộng đồng nông nghiệp sinh thái. Phát triển trục trung tâm Hưng Tây - Vinh - Cửa Lò là trục không gian biểu tượng mới của đô thị, dải phân cách trung tâm của trục có chức năng là vành đai xanh quy mô lớn, trong dải phân cách bố trí tuyến xe buýt nhanh, tích hợp dải phân cách với không gian mở của đô thị, công trình công cộng - văn hóa, giao thông, hai bên đường xây dựng các trung tâm khu đô thị mới cao tầng hiện đại, có mật độ xây dựng cao và có không gian cây xanh cảnh quan ngăn cách. Phát triển trục cảnh quan tự nhiên sông Lam, sông Đào, sông Kẽ Gai, thiết kế đô thị sinh thái ven sông kết hợp với thoát nước, môi trường sinh thái, giao thông thủy.

Về thoát nước mưa, nâng cấp, cải tạo hệ thống các sông dẫn chính thoát ra ngoài đô thị như sông Kẽ Gai, sông Đào, sông Cấm, sông Rào Đùng... Xây dựng hệ thống kênh cấp I, cấp II của các khu vực đô thị kết hợp xây dựng một số khu vực hồ điều hòa thành phố Vinh tại huyện Nghi Lộc; xây dựng hệ thống cống thoát nước riêng trong khu vực đô thị dọc theo đường giao thông, thoát nước chảy tự nhiên. Mở rộng kênh thoát nước trong đô thị, bố trí 10 trạm bơm tiêu úng tại các khu vực phù hợp. Về thoát nước

thải, thu gom theo hệ thống thoát nước riêng biệt, dẫn đến trạm xử lý tập trung. Quy hoạch 7 khu xử lý nước thải tập trung cho các khu vực trên toàn bộ phạm vi đô thị, với tổng công suất 213.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Giải pháp xử lý nước thải sinh hoạt, đối với các khu dân cư đã có hệ thống thoát nước chung, xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng với hệ thống cống bao tách nước thải đưa về các trạm xử lý; đối với các khu vực xây mới, dùng hệ thống thoát nước thải riêng. Nước thải công nghiệp được xử lý tại nhà máy và tại khu xử lý tập trung của Khu công nghiệp trước khi thải ra môi trường. Nước thải bệnh viện được xử lý theo tiêu chuẩn quốc gia về nước thải y tế trước khi thải vào hệ thống. Về thu gom, xử lý chất thải rắn (CTR), tổng khối lượng CTR thu gom đến năm 2030 là 2.430 tấn/ngày, tỉ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đô thị 100%, rác thải công nghiệp đạt 100%. Đến năm 2030, tỉ lệ chôn lấp 10%, phần còn lại xử lý theo phương pháp tái sử dụng, tái chế, làm phân bón hữu cơ... Thực hiện phân loại rác tại nguồn và được thu gom tập trung về khu xử lý chất thải ở Khu xử lý Nghi Yên. CTR độc hại được xử lý tại khu xử lý CTR Hưng Yên Nam.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Quyết định số 134/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Xây dựng gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2014 - 2020**

Ngày 26/01/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 134/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Xây dựng gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai

đoạn 2014 - 2020 (sau đây gọi tắt là Đề án).

Theo Đề án này, tái cơ cấu ngành Xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao năng suất lao động, chất

lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm xây dựng chủ yếu. Phần đầu giá trị sản xuất của toàn ngành tăng trưởng bình quân từ 9% - 14%/năm, một số sản phẩm chủ yếu có bước phát triển đột phá, cơ bản chiếm lĩnh được thị trường trong nước, từng bước vươn ra thị trường khu vực và thế giới. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020, về hoàn thiện thể chế, chính sách, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách quản lý nhà nước trong các lĩnh vực thuộc ngành Xây dựng phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu hướng hội nhập quốc tế, xây dựng hành lang pháp lý hoàn chỉnh để các loại thị trường ngành Xây dựng phát triển ổn định, cạnh tranh bình đẳng, công bằng và minh bạch, thúc đẩy phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội vào các lĩnh vực, sản phẩm ngành Xây dựng có lợi thế cạnh tranh cao. Về lĩnh vực đầu tư xây dựng, xây dựng được hầu hết các công trình xây dựng thiết yếu bảo đảm chất lượng, thẩm mỹ, có giá thành cạnh tranh. Khắc phục cơ bản tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong đầu tư xây dựng, nhất là các dự án sử dụng vốn nhà nước; hạn chế tối đa việc điều chỉnh tổng mức đầu tư, điều chỉnh tiến độ dự án để đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Lĩnh vực tư vấn xây dựng và thi công xây lắp đạt trình độ ngang tầm các nước trong khu vực, trong đó có một số sản phẩm ngang tầm với các nước phát triển trên thế giới (xây dựng các nhà cao tầng, đường cao tốc, các nhà máy điện công suất lớn...), mức tăng trưởng bình quân hàng năm của tư vấn từ 10% - 15%, của xây lắp từ 8% - 12%. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, đồng thời tăng dần tỉ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách, trong đó đặc biệt chú trọng đẩy mạnh mô hình đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP). Về lĩnh vực phát triển đô thị, hệ thống đô thị quốc gia phân bố hợp lý, phát triển đô thị bền vững, xanh, sạch, đẹp, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; hình thành một số đô thị

trung tâm cấp quốc gia, cấp vùng có mức độ hiện đại, tốc độ phát triển và năng lực cạnh tranh ngang tầm với các nước trong khu vực; hình thành một số đô thị có chức năng đặc thù như đô thị di sản, đô thị du lịch, đô thị khoa học... Tỉ lệ đô thị hóa cả nước đạt khoảng 40%, cấp nước bao phủ đạt 90% đối với đô thị loại IV trở lên, đạt 70% đô thị loại V, tỉ lệ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt chuẩn 60% đối với đô thị loại III trở lên, thu gom và xử lý CTR sinh hoạt đô thị đạt 90%. Tổ chức thực hiện và điều chỉnh kịp thời các mục tiêu về phát triển đô thị trên cơ sở Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Về lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản, phát triển đa dạng các loại hình nhà ở đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở cho người dân, hoàn thành các mục tiêu trong Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Phần đầu đến năm 2020 diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt khoảng 25 m<sup>2</sup>/người, trong đó, tại đô thị khoảng 29 m<sup>2</sup>/người, tại nông thôn khoảng 22 m<sup>2</sup>/người; giai đoạn 2016 - 2020 đầu tư xây dựng mới khoảng 12,5 triệu m<sup>2</sup> nhà ở xã hội khu vực đô thị. Tỉ lệ nhà ở kiên cố toàn quốc đạt khoảng 70%, trong đó tại đô thị đạt trên 75%, tại nông thôn đạt trên 65%, xóa nhà ở đơn sơ trên phạm vi toàn quốc, nâng tỉ lệ hộ gia đình có công trình phụ hợp vệ sinh lên 90%, trong đó tại đô thị đạt xấp xỉ 100% và tại nông thôn đạt trên 80%. Tỉ lệ nhà ở chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại các đô thị loại đặc biệt đạt trên 90%, đô thị loại I và loại II đạt trên 60%, đô thị loại III đạt trên 40% tổng số đơn vị nhà ở xây dựng mới, tỉ lệ nhà ở cho thuê đạt tối thiểu khoảng 30% tổng quỹ nhà ở tại các đô thị từ loại III trở lên. Phát triển thị trường bất động sản ổn định, vững chắc, có cấu trúc hoàn chỉnh và cơ cấu hợp lý; khắc phục tình trạng lệch pha cung - cầu, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và các loại bất động sản khác, thị trường hoạt động hiệu quả và trở thành thị trường quan



trọng nhất, kết nối lưu thông với các thị trường khác của nền kinh tế. Phần đầu nguồn thu từ kinh doanh bất động sản và đất đai đạt từ 10 - 15% tổng nguồn thu ngân sách. Về lĩnh vực vật liệu xây dựng, cơ khí xây dựng, sản lượng vật liệu xây dựng thông thường đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong nước và một phần xuất khẩu. Chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng bảo đảm các tiêu chuẩn trong nước, một số đáp ứng tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Giá trị sản xuất, giá trị gia tăng trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng duy trì sự tăng trưởng ổn định, bền vững, bình quân khoảng 10%/năm. Sản xuất xi măng đạt khoảng 115 triệu tấn/năm, trong đó xuất khẩu khoảng 15%, gạch gốm ốp lát và đá ốp lát đạt khoảng 570 triệu m<sup>2</sup>, xuất khẩu khoảng 25%, sứ vệ sinh đạt khoảng 21 triệu sản phẩm, xuất khẩu khoảng 16%, gạch xây đạt khoảng 30 tỉ viên quy tiêu chuẩn, trong đó vật liệu xây không nung chiếm khoảng 40%. Đầu tư sản xuất các loại vật liệu cao cấp có giá trị lớn phục vụ thi công các công trình có yêu cầu kỹ thuật, chất lượng cao, hạn chế nhập khẩu, đến năm 2020 giảm từ 50% - 60% khối lượng vật liệu cao cấp nhập khẩu. Phát triển mạnh sản phẩm cơ khí xây dựng, nhất là các sản phẩm cơ khí phi tiêu chuẩn, tỉ trọng cơ khí chế tạo trong nước nhằm chủ động trong công tác vận hành, khai thác, sửa chữa thay thế, cung cấp vật tư, phụ tùng. Nâng cao trình độ tư vấn, thiết kế, chế tạo nhằm sản xuất các vật tư thiết bị phụ tùng cho các dây chuyền thiết bị đồng bộ (dây chuyền sản xuất xi măng, sản xuất vật liệu không nung, gạch ốp lát, thiết bị xử lý CTR đô thị...). Về các doanh nghiệp xây dựng, hoàn thành việc tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước theo các đề án đã được phê duyệt, hình thành một số doanh nghiệp lớn trong ngành có trình độ quản lý hiện đại, công nghệ tiên tiến, có tiềm lực về vốn, đủ năng lực cạnh tranh ở tầm khu vực; các doanh nghiệp vừa và nhỏ được sắp xếp, tái cơ cấu theo hướng chuyên môn hóa cao. Các doanh nghiệp trong ngành có đủ năng lực mở rộng,

tiến tới chiếm lĩnh và chi phối thị trường xây dựng trong nước.

Đề án này nêu rõ các quan điểm tái cơ cấu ngành Xây dựng. Cụ thể, thứ nhất, tái cơ cấu ngành Xây dựng là một hợp phần của tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế quốc dân, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, nhằm không ngừng nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh, bảo đảm phát triển bền vững các lĩnh vực thuộc ngành. Thứ hai, phân định rõ vai trò, chức năng của Nhà nước và của thị trường, khắc phục tư tưởng “nhà nước hóa” cũng như tư tưởng “thị trường hóa” một cách thái quá trong quản lý đầu tư phát triển. Trong đó, Nhà nước có vai trò định hướng và giữ nhịp cho thị trường phát triển, một mặt phải xây dựng hành lang pháp lý hoàn chỉnh, tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, đồng thời tăng cường sự quản lý, điều tiết của Nhà nước đối với các loại thị trường để thị trường phát triển ổn định, coi thị trường là phương tiện để thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa, hướng đến phục vụ con người, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội. Thứ ba, đổi mới tư duy quản lý phát triển theo nguyên tắc việc đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản phải tuân thủ theo quy hoạch và có kế hoạch, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, tự phát, phong trào dẫn đến dự án “treo”. Thứ tư, tái cơ cấu ngành Xây dựng theo lộ trình thích hợp, ưu tiên các lĩnh vực, sản phẩm có sức tăng trưởng và lợi thế cạnh tranh cao, từng bước chiếm lĩnh, chi phối thị trường trong nước, đồng thời với chủ động hội nhập quốc tế. Thứ năm, kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề cấp bách với các vấn đề cơ bản, đảm bảo sự tiến bộ và công bằng xã hội, nhất là trong lĩnh vực nhà ở, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Thứ sáu, thực hiện tái cơ cấu ngành Xây dựng gắn với đẩy

mạnh cải cách hành chính và phân công, phân cấp một cách hợp lý, bảo đảm sự quản lý thống nhất, chỉ đạo thông suốt từ Trung ương đến địa phương, phát huy sự chủ động, sáng tạo của địa phương. Thứ bảy, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, tích cực của các tổ chức, doanh nghiệp trong việc tự tái cấu trúc và tái cơ cấu chung của toàn ngành Xây dựng, khuyến khích và thu hút sự tham gia tích cực của người dân và các thành phần kinh tế vào các lĩnh vực sản xuất sản phẩm xây dựng và dịch vụ đô thị.

Các giải pháp chủ yếu thực hiện Đề án bao gồm: Đổi mới, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu phát triển các lĩnh vực của ngành Xây dựng; nâng cao chất lượng

công tác lập và tổ chức quy hoạch xây dựng, quy hoạch, chiến lược phát triển các lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu; đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách; đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước ngành Xây dựng; đổi mới đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế; thực hiện xây dựng và quản lý hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu từng lĩnh vực và sản phẩm theo hướng công khai, minh bạch.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam về việc Quy định về mức tỉ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

Ngày 31/12/2014, UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND về việc Quy định về mức tỉ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Theo Quy định này, mức tỉ lệ % để tính đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam như sau: Khu vực thành phố Phủ Lý 1,3%; khu vực các thị trấn, khu vực các đường giao thông Quốc lộ 1,2%; khu vực các đường giao thông tỉnh lộ 1,1%; khu vực còn lại (ngoài các khu vực nêu trên) 1,0%;

đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản 1,0%. Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đầu tư hạ tầng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, tỉ lệ % để tính đơn giá thuê đất là 1%. Đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có thu tiền đầu tư hạ tầng của các đối tượng thuê đất, tỉ lệ % để tính đơn giá thuê đất là 0,5%. Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp doanh nghiệp tự đầu tư hạ tầng, tỉ lệ % để tính đơn giá thuê đất là 0,5%. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư trên địa bàn

huyện Thanh Liêm và Lý Nhân áp dụng tỉ lệ 0,5%. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư trên địa bàn các khu vực còn lại áp dụng tỉ lệ 0,75%.

Cũng theo Quy định này, đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định của Luật Đất đai, tiền thuê đất được xác định như sau: Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền, thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất. Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt có thu tiền thuê đất thì số tiền thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định trên.

Về xác định đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai, đơn giá thuê đất có mặt nước được xác định như sau: Đối với phần diện tích

đất không có mặt nước, xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định. Đối với phần diện tích đất có mặt nước sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp thì đơn giá thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng 50% đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng đất.

Căn cứ giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định, Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất và mức tỉ lệ % để xác định đơn giá thuê đất quy định tại Quy định này, Cục trưởng Cục thuế quyết định đơn giá thuê đất đối với tổ chức người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Chi cục trưởng Chi cục thuế xác định đơn giá thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

Những nội dung khác có liên quan đến việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

(Xem toàn văn tại [www.hanam.gov.vn](http://www.hanam.gov.vn))

**Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh  
Cà Mau về việc Quy định về mức tỉ lệ phần trăm (%)  
để tính đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước,  
đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm  
trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Ngày 31/12/2014, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND về việc Quy định về mức tỉ lệ phần trăm (%) để tính

đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Cà Mau áp dụng theo quy định tại

Điều 2 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Theo Quy định này, tỉ lệ % để tính đơn giá thuê đất đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá được áp dụng thống nhất cho từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất, cụ thể như sau: Các phường thuộc thành phố Cà Mau, tỉ lệ % tính đơn giá thuê đất đối với lĩnh vực đầu tư thông thường là 1,5%, đối với lĩnh vực ưu đãi đầu tư là 1%; xã Lý Văn Lâm và xã Tắc Vân thuộc thành phố Cà Mau, tỉ lệ % tính đơn giá thuê đất đối với lĩnh vực đầu tư thông thường và lĩnh vực ưu đãi đầu tư lần lượt là 1,2% và 0,85%; các xã thuộc thành phố Cà Mau (trừ hai xã nêu trên), các thị trấn thuộc huyện, tỉ lệ % tính đơn giá thuê đất đối với lĩnh vực đầu tư thông thường và lĩnh vực ưu đãi đầu tư lần lượt là 1% và 0,75%; các xã thuộc huyện, tỉ lệ % tính đơn giá thuê đất đối với lĩnh vực đầu tư thông thường và lĩnh vực đầu tư ưu đãi lần lượt là 0,75% và 0,5%. Danh mục dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Mức điều chỉnh đơn giá thuê đất trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá thì đơn giá trúng đấu giá được ổn định 10 năm, hết thời gian ổn định thực hiện điều chỉnh đơn giá thuê đất. Mức điều chỉnh bằng 20% đơn giá thuê đất trúng đấu giá hoặc đơn giá thuê đất của kỳ ổn định liền kề trước đó. Mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai năm 2013 được quy định như sau: Đối với phần diện tích đất có mặt nước thì đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng 50% đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian

thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Về mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, Quy định này quy định: Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất): Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất bằng 10% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng 10% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất. Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất, mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt có thu tiền thuê đất thì số tiền thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm tính bằng 10% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng.

Đối với các dự án đã có hợp đồng thuê đất trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được giữ ổn định giá thuê đất đủ thời hạn. Sau khi hết thời gian ổn định thì phải điều chỉnh đơn giá thuê đất theo Quyết định này. Đối với các dự án có hợp đồng thuê đất đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành, thì không thực hiện theo Quyết định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Tài chính để được hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền thì tổng hợp và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để xuất, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại [www.camau.gov.vn](http://www.camau.gov.vn))**

**Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh  
Đắk Lắk ban hành Quy định tỉ lệ phần trăm (%)  
để xác định đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất  
đối với đất có mặt nước; đơn giá thuê đất  
để xây dựng công trình ngầm và quy định đơn giá  
thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Ngày 31/12/2014, UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND Quy định tỉ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước; đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và quy định đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Quyết định này quy định tỉ lệ % để xác định đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước; đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và quy định đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong trường hợp: Nhà nước cho thuê đất, gồm đất trên bề mặt và phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất theo quy định của Luật Đất đai; Nhà nước cho thuê đất để xây dựng công trình trong lòng đất có mục đích kinh doanh mà công trình này không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất theo quy định của Luật Đất đai; Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng đang sử dụng đất thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất; Nhà nước gia hạn thời gian thuê đất cho các đối tượng đang thuê thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất; chuyển từ hình thức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, giao đất không thu tiền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 sang hình thức Nhà nước cho thuê đất.

Theo Quy định này, tỉ lệ % để xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, đối với các dự án sử dụng đất không thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, không thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư, tỉ lệ % đối với nhóm đất nông

NGHIỆP và phi nông nghiệp (%/năm) trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã, các huyện thuộc khu vực I lần lượt là 0,85 và 1,0%, 0,8 và 0,95%, 0,75 và 0,9%; trên địa bàn thị xã, các huyện thuộc khu vực II lần lượt là 0,7 và 0,85%, 0,65 và 0,8%; trên địa bàn các xã thuộc khu vực III (kể cả các thôn, buôn đặc biệt khó khăn) lần lượt là 0,6 và 0,75%. Đối với đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của Chính phủ, bằng 90% đơn giá thuê đất quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quy định này. Đối với đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của Chính phủ, bằng 85% đơn giá thuê đất quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quy định này.

Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định của Luật Đất đai, tiền thuê đất được xác định như sau: Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất bằng 10% đơn giá thuê đất trên bề mặt có cùng mục đích sử dụng đất. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất bằng 10% đơn giá thuê đất trên bề mặt có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

Đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước, đối với phần diện tích đất không có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Khoản 1 Điều này.



Đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng 50% đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng. Đơn giá thuê đất hàng năm được tính bằng tỉ lệ % nhân (x) với giá đất tính thu tiền thuê đất. Giá đất tính thu tiền thuê đất được xác định theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Những nội dung khác có liên quan đến việc thu tiền thuê đất không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo các quy định tại Nghị định

số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Căn cứ khung giá thuê mặt nước quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh trình UBND tỉnh quyết định đơn giá thuê mặt nước của từng dự án cụ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/01/2015.

**(Xem toàn văn tại [www.daklak.gov.vn](http://www.daklak.gov.vn))**

## **Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu đánh giá khả năng sản xuất hàng loạt máy thi công xây dựng phục vụ chương trình nội địa hóa các sản phẩm cơ khí xây dựng”**

Ngày 21/01/2014, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu đánh giá khả năng sản xuất hàng loạt máy thi công xây dựng (máy xúc, máy ủi) phục vụ chương trình nội địa hóa các sản phẩm cơ khí xây dựng - mã số RD 69-12” do Học viện Kỹ thuật Quân sự chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường, Bộ Xây dựng chủ trì Hội nghị.

Thay mặt ban chủ nhiệm Đề tài, GS.TS Chu Văn Đạt đã báo cáo với Hội đồng về các kết quả nghiên cứu. Theo đó, ở nước ta hiện nay chưa có đơn vị nào sản xuất máy xây dựng nói chung và máy xúc thủy lực nói riêng. Việc chủ động thiết kế, sản xuất vật tư, phụ tùng thay thế của máy xúc thủy lực gầu nghịch trong nước là rất hạn chế, chỉ dừng lại ở công nghệ phục hồi là chủ yếu. Từ năm 2000 đến nay, Nhà nước đã có những cơ chế, chính sách thúc đẩy ngành cơ khí phát triển, tuy nhiên kết quả chưa được là bao, các sản phẩm cơ khí mang thương hiệu nội địa còn rất ít, tính cạnh tranh của sản phẩm còn hạn chế. Việc hợp tác, liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp còn chưa được phát huy, đầu tư của các doanh nghiệp còn dãn trải, chưa mang tính chuyên môn hóa sâu, năng lực công nghệ của các doanh nghiệp cơ khí chưa có tính bứt phá. Thêm vào đó, hiện nay chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu, đánh giá tổng hợp một cách chuyên sâu về năng lực thiết kế, chế tạo các sản phẩm cơ khí của các cơ sở thiết kế, cơ sở sản xuất cơ khí trong nước, cũng như chưa có công trình khoa học nghiên cứu khả năng thiết kế, chế tạo hàng loạt máy xây dựng nói chung và máy xúc thủy lực gầu nghịch nói riêng. Trong khi đó, trên thế giới đã có hơn 80 quốc gia sản xuất được máy xúc thủy lực, mỗi nước đều có bước đi ban đầu theo đặc thù



*Toàn cảnh Hội nghị nghiệm thu*

riêng của mình, tiêu biểu là các nước Đức, Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc.

Tại Việt Nam, các công trình xây dựng trên toàn lãnh thổ đang đặt ra nhu cầu lớn về máy thi công xây dựng, trong đó tập trung chủ yếu vào máy xúc, máy ủi mà đặc biệt là máy xúc thủy lực gầu nghịch với tính đa năng của nó. Ở nước ta, máy xúc thủy lực gầu nghịch chiếm tới 40% thị phần máy thi công xây dựng và chủ yếu tập trung vào các nhãn hiệu như Komatsu, Kobelco, Hitachi, Sumitomo, Doosan, Sany, Liugong... Có thể nói, máy xúc thủy lực gầu nghịch có ứng dụng rất rộng rãi trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng cũng như trong nền kinh tế quốc dân.

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng máy thi công xây dựng rất lớn trên các công trình khắp cả nước nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đề tài “Nghiên cứu đánh giá khả năng sản xuất hàng loạt máy thi công xây dựng (máy xúc, máy ủi) phục vụ chương trình nội địa hóa các sản phẩm cơ khí xây dựng” đã được thực hiện. Mục tiêu của Đề tài này là nghiên cứu khả năng sản xuất nội địa hóa hàng loạt máy xúc thủy lực gầu nghịch với tỷ lệ nội địa hóa từ 60 - 65%, trên cơ sở đó đề xuất phương án tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Trong quá trình thực hiện Đề tài, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát đánh giá nhu cầu sử dụng và thị trường tiêu thụ máy xúc thủy lực trong nước; đánh giá nhu cầu nội địa hóa sản xuất máy xúc thủy lực; phân tích và xác định các cụm, chi tiết, bộ phận máy xúc thủy lực hiện tại chưa có khả năng chế tạo trong nước; khảo sát, đánh giá khả năng nhập khẩu các cụm, chi tiết, bộ phận máy xúc thủy lực chưa có khả năng chế tạo trong nước; khảo sát, phân tích tình hình chế tạo máy xúc, máy ủi tại một số hãng lớn trên thế giới; nghiên cứu đề xuất phương thức tổ chức sản xuất loạt máy xúc thủy lực trong nước; đề xuất phương thức tiêu thụ sản phẩm và các cơ chế chính sách hỗ trợ; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, tác động của dự án đến sự phát triển của ngành cơ khí dân dụng và quốc phòng; đánh giá khả năng phát triển sản xuất các sản phẩm máy xây dựng khác phục vụ kinh tế, quốc phòng.

Nhận xét về kết quả thực hiện Đề tài, các ủy viên phản biện và chuyên gia trong Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao những kết quả đã đạt được của nhóm nghiên cứu. Đề tài đã hoàn

thành tốt các nội dung đề ra, các sản phẩm nghiên cứu có chất lượng, công tác đánh giá tỉ mỉ, nghiên cứu, trình bày công phu. Ngoài ra, Đề tài đã đánh giá được năng lực của các doanh nghiệp sản xuất trong nước và nước ngoài, xác định được các mô hình phân công hợp tác sản xuất, đánh giá được tiềm năng về ngành cơ khí xây dựng... Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu cũng cần lưu ý về việc phân tích, đánh giá về vật liệu chế tạo, trong nội dung đề xuất cần đề cập tới vấn đề thử nghiệm sản phẩm, trong báo cáo cần nêu lộ trình nội địa hóa các sản phẩm cơ khí, làm rõ phần ngân sách của nhà nước và các doanh nghiệp...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu - TS. Nguyễn Trung Hòa đồng tình với các ý kiến nhận xét và góp ý của các thành viên Hội đồng và đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu, bổ sung các nội dung còn thiếu để hoàn thiện báo cáo đề tài.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Kim Nhật

## **Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu sử dụng tro bay hàm lượng mất khi nung lớn hơn 6% làm phụ gia cho sản xuất bê tông và vữa xây dựng”**

Ngày 22/01/2015, tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu sử dụng tro bay hàm lượng mất khi nung lớn hơn 6% làm phụ gia cho sản xuất bê tông và vữa xây dựng, mã số RD122 - 13” do Viện Vật liệu xây dựng chủ trì thực hiện.

Báo cáo trước Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ, ThS. Lê Việt Hùng - chủ nhiệm Đề tài cho biết, hiện nay và trong thời gian sắp tới, nước ta có nhiều nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) đốt than đang và sắp sửa hoạt động, với lượng tro xỉ thải ra hàng năm rất lớn. Theo thống kê đến năm 2014, các NMNĐ ở Việt Nam thải ra khoảng

5 triệu tấn tro xỉ/năm. Về nhu cầu sử dụng tro bay, chỉ tính riêng các dự án nhà máy thủy điện thi công bằng công nghệ bê tông đầm lăn RCC với công suất trên 30 MW trong giai đoạn 2005 - 2015 là 10 dự án, với tổng khối lượng bê tông RCC yêu cầu là 12,6 triệu m<sup>3</sup>, tương ứng với lượng tro bay cần khoảng 2,0 - 2,6 triệu tấn. Tiềm năng sử dụng tro xỉ cho sản xuất xi măng cũng rất lớn. Tuy vậy, ở Việt Nam hiện nay, các nhà quản lý và kỹ thuật thường vẫn áp dụng tiêu chuẩn tro bay theo tiêu chuẩn ASTM C618: “Tiêu chuẩn kỹ thuật đối với tro từ than và puzolan tự nhiên, nhân tạo sử dụng làm cho bê tông”, tức có lượng mất khi nung (MKN) phải

nhỏ hơn 6%. Nếu không có các nghiên cứu chứng minh rằng tro xỉ có lượng MKN lớn hơn 6% vẫn có thể sử dụng làm phụ gia khoáng cho xi măng và bê tông thì sẽ rất hạn chế trong việc sử dụng loại vật liệu này.

Do đó, mục tiêu nghiên cứu đặt ra cho Đề tài này là đánh giá về khả năng sử dụng của tro bay NMNĐ ở Việt Nam với lượng MKN lớn hơn 6% cho sản xuất xi măng, bê tông cốt thép, vữa xây dựng, từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng tro bay NMNĐ làm phụ gia khoáng cho sản xuất xi măng poóc lăng hỗn hợp; làm phụ gia khoáng cho sản xuất bê tông xi măng thông thường; làm phụ gia khoáng cho sản xuất vữa xây, trát thông thường ở Việt Nam.

Đề tài thực hiện nghiên cứu ảnh hưởng của tro bay với lượng MKN khác nhau, tập trung chủ yếu vào ảnh hưởng của tro bay với lượng MKN lớn hơn 6% đến tính chất cơ lý của xi măng, hỗn hợp vữa, vữa đóng rắn, hỗn hợp bê tông và bê tông đóng rắn. Ngoài ra, ảnh hưởng của lượng MKN trong tro bay đến tính chất ăn mòn cốt thép trong bê tông cũng được nghiên cứu. Tro bay sử dụng trong nghiên cứu là loại tro bay của NMNĐ đang vận hành ở Việt Nam.

Theo đánh giá của các thành viên trong Hội đồng, đề tài đã thực hiện khối lượng lớn nghiên cứu lý thuyết cũng như thực nghiệm, sử dụng các phương pháp nghiên cứu, thí nghiệm hiện



Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu - ThS. Trần Đình Thái phát biểu tại Hội nghị

đại, do đó đảm bảo được độ tin cậy cho các kết quả thí nghiệm và kết luận. Bên cạnh những sai sót, thiếu sót, nhóm đề tài cũng cần bổ sung những lý giải về nguyên nhân độ tách nước tăng khi sử dụng tro bay với các lượng MKN khác nhau trong điều kiện giữ nguyên tổng lượng chất kết dính và lượng nước... để hoàn thiện báo cáo.

Đồng tình với các ý kiến góp ý của các thành viên của Hội đồng, ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng đã đánh giá cao những cố gắng nỗ lực của nhóm tác giả trong việc thực hiện đề tài này, nhất trí nghiệm thu sau khi nhóm tác giả tiếp thu, hoàn thiện báo cáo.

Bích Ngọc

## Nghiệm thu các đề tài khoa học của Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định

Ngày 27/01/2014 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức nghiệm thu cấp Bộ các đề tài khoa học của Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định: “Nghiên cứu xây dựng mô hình kết cấu công trình bằng công nghệ 3D - RD 48-13”, “Nghiên cứu xây dựng bài giảng Học phần Kỹ thuật Thi công bằng phương pháp mô hình hóa dành cho bậc cao đẳng ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng - RD 38-13” và “Xây dựng chương trình giáo trình đào tạo nghề: Mộc mỹ

nghệ, Chạm khắc đá, Kỹ thuật điêu khắc gỗ, Kỹ thuật sơn mài và khảm trai bậc trình độ sơ cấp nghề áp dụng đào tạo cho lao động nông thôn các tỉnh khu vực Nam đồng bằng sông Hồng - RD 47-13”. ThS. Nguyễn Quang Minh - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo với Hội đồng nghiệm thu về Đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình kết cấu công trình bằng công nghệ 3D”, Chủ nhiệm đề tài - ThS. Phạm Đức Cương cho biết: Việc xây dựng



các mô hình trực quan về các kết cấu, bộ phận kết cấu chủ yếu của công trình phục vụ cho công tác giảng dạy là hết sức cần thiết, giúp sinh viên dễ hiểu bài hơn, nhận biết trực quan về cấu tạo, vị trí, tác dụng của mỗi bộ phận kết cấu công trình, tăng cường năng lực đọc, thể hiện bản vẽ xây dựng và phát triển kỹ năng thực hành. Dựa trên cơ sở chương trình giảng dạy kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn, các phần mềm Autodesk 3D, Studio Max, Photoshop và bản vẽ 2D, nhóm đề tài đã tiến hành xây dựng các hình ảnh 3 chiều cho các bộ phận điển hình của kết cấu công trình bê tông cốt thép, từ hạng mục móng cho đến mái, cùng những nội dung thuyết minh, chỉ dẫn cơ bản. Mô hình kết cấu công trình 3D bao gồm các mô hình động và bộ hình ảnh 3D chọn lọc. Mỗi mô hình động đều có thể xoay theo các góc quan sát khác nhau, có thể phóng to, thu nhỏ, thay đổi vị trí, đồng thời có thể bổ sung hoặc bỏ đi phần bê tông của kết cấu để che phủ hoặc nhìn thấy các loại cốt thép, thiết bị đặt bên trong kết cấu. Bên cạnh đó, nhóm đề tài đã lựa chọn 161 ảnh 3D của các bộ phận điển hình, thường gặp của kết cấu công trình bê tông cốt thép làm giáo cụ trực quan rất tiện ích cho việc giảng dạy của giáo viên và sự tiếp thu bài giảng của sinh viên.

Về đề tài “Nghiên cứu xây dựng bài giảng Học phần Kỹ thuật Thi công bằng phương pháp mô hình hóa dành cho bậc cao đẳng ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng”, Chủ nhiệm đề tài - ThS. Lương Văn Doanh cho biết: Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dạy và học là một xu hướng phổ biến hiện nay trên thế giới cũng như ở nước ta. Việc thể hiện bài giảng của giáo viên thông qua áp dụng phương pháp trình - chiếu mang lại hiệu quả rất tích cực, giúp cho sự tương tác cao hơn giữa giáo viên và sinh viên, giúp sinh viên tiếp thu bài giảng nhanh hơn, khối lượng kiến thức lớn hơn và kỹ năng thực hành được nâng cao.

Thực hiện nhiệm vụ KHCN do Bộ Xây dựng giao “Nghiên cứu xây dựng bài giảng Học phần



*Toàn cảnh buổi làm việc của Hội đồng nghiệm thu Kỹ thuật Thi công bằng phương pháp mô hình hóa dành cho bậc cao đẳng ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng”, nhóm đề tài đã xây dựng bài giảng của Học phần Kỹ thuật thi công dựa trên phần mềm PowerPoint 2003, gồm 467 slide và hơn 20 video clip, gắn nội dung bài giảng với các hình ảnh minh họa trực quan, sinh động về công tác đất; thi công cọc; công tác bê tông và bê tông cốt thép; công tác lắp dựng; công tác xây; công tác hoàn thiện.*

Đề tài “Xây dựng chương trình giáo trình đào tạo nghề: Mộc mỹ nghệ, Chạm khắc đá, Kỹ thuật điêu khắc gỗ, Kỹ thuật sơn mài và khảm trai, bậc trình độ sơ cấp nghề áp dụng đào tạo cho lao động nông thôn” (gọi tắt là chương trình đào tạo nghề thủ công mỹ nghệ bậc sơ cấp) do ThS. Cù Xuân Liệu và các cộng sự thực hiện dựa trên Chương trình khung về đào tạo nghề thủ công mỹ nghệ bậc Trung cấp đã được Bộ Xây dựng phê duyệt để xây dựng chương trình đào tạo nghề thủ công mỹ nghệ bậc sơ cấp cho các lớp ngắn hạn 3 tháng, 6 tháng và 9 tháng. Mục tiêu của Đề tài này hướng vào phục vụ công tác dạy nghề cho các lao động nông thôn, giúp họ có kiến thức và tay nghề để tạo dựng việc làm, tăng thu nhập kinh tế gia đình, góp phần thực hiện chủ trương lớn của Đảng, Chính phủ về xây dựng nông thôn mới. Bộ giáo trình dạy nghề thủ công mỹ nghệ trình độ sơ cấp là kết quả của Đề tài này, sau khi được Bộ Xây dựng thông qua và ban hành, sẽ là tài liệu hữu ích cho các trung tâm, các cơ sở đào tạo nghề trên cả nước.



Nhận xét về các đề tài nghiên cứu khoa học của Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định, các ủy viên phản biện và chuyên gia của Hội đồng đều nhất trí về tính ứng dụng cao trong thực tiễn của các đề tài. Bên cạnh việc đóng góp một số ý kiến đề nghị các chủ nhiệm đề tài rà soát, chỉnh sửa hoặc bổ sung để hoàn thiện, các

thành viên của Hội đồng đã thống nhất nghiệm thu các đề tài và đề nghị Bộ Xây dựng sớm công bố để đưa vào áp dụng tại các trường Cao đẳng, Trung cấp Xây dựng cũng như các cơ sở đào tạo nghề thủ công mỹ nghệ.

Minh Tuấn

## Hội nghị kiểm điểm, đánh giá kết quả triển khai Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Xây dựng giai đoạn đến năm 2015

Ngày 21/01/2015, tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Lê Quang Hùng đã chủ trì Hội nghị kiểm điểm, đánh giá kết quả triển khai Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) ngành Xây dựng giai đoạn đến năm 2015. Tham dự Hội nghị có đại diện các Bộ ngành liên quan; lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng; đại diện các Viện nghiên cứu, các trường, các Hội và Hiệp hội chuyên ngành.

Phát biểu tại Hội nghị, TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ & Môi trường (Bộ Xây dựng) cho biết: Chiến lược phát triển KH&CN ngành Xây dựng nhằm phục vụ các mục tiêu chung của Chiến lược KH&CN Quốc gia, Chiến lược Phát triển bền vững; đáp ứng các yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, tiến tới hội nhập với trình độ phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới ở các lĩnh vực: công nghệ xây dựng, cơ khí xây dựng, vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị, hệ thống quy chuẩn - tiêu chuẩn và nguồn nhân lực. Chiến lược phát triển KH&CN ngành Xây dựng đã đề ra những mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn đến năm 2020, và tầm nhìn đến năm 2030, được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành theo Quyết định số 527/QĐ-BXD ngày 29/5/2013. Do đó, Hội nghị này được tổ chức nhằm đánh giá sơ kết hai năm triển khai thực



Thứ trưởng Lê Quang Hùng phát biểu tại Hội nghị hiện Chiến lược và là dịp để các đơn vị, các Bộ ngành liên quan đề xuất, đóng góp ý kiến cho lộ trình triển khai Chiến lược trong giai đoạn 2015 - 2016 và những năm tiếp theo.

Thay mặt Ban tổ chức Hội nghị, Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ & Môi trường Bộ Xây dựng Trần Hữu Hà đã báo cáo các kết quả thực hiện Chiến lược thời gian qua trong ngành Xây dựng. Theo báo cáo, trong từng lĩnh vực cụ thể, nhiều thành tựu vượt bậc đã được ghi nhận. Về công nghệ xây dựng, các nhà thầu Việt Nam đã có đủ năng lực tiếp cận và làm chủ các công nghệ tiên tiến như công nghệ gia cố nền đất yếu, công nghệ thi công hố đào và công trình ngầm, công nghệ cọc đúc sẵn, giàn không gian nhíp lớn, kết cấu bê tông cốt thép ứng suất trước...

Về vật liệu xây dựng (VLXD), nhiều Tập đoàn, Tổng Công ty như Viglacera, Vinaconex,

UDIC đã đầu tư sản xuất những sản phẩm chất lượng cao, thân thiện môi trường (gạch không nung, kính xây dựng, bê tông cường độ cao...); sản phẩm VLXD đa dạng, phong phú, chất lượng ngày càng tiếp cận với các sản phẩm cùng loại của nước ngoài, hiệu quả kinh tế cao do sử dụng nguyên liệu trong nước (thanh polymer cốt sợi thay thế cốt thép thông thường sử dụng cho các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình biển; các phụ gia hóa dẻo và siêu dẻo cho bê tông; vật liệu composite cốt sợi hữu cơ; sơn màu cho ngói xi măng; sơn nano  $TiO_2$ ...). Tỷ trọng đổi mới công nghệ trong lĩnh vực này đạt hơn 75%; sản phẩm cơ bản đã đáp ứng thị trường trong nước và một phần xuất khẩu. Đặc biệt, vấn đề tái chế, tái sử dụng phế thải công nghiệp xây dựng đã được nghiên cứu trong nhiều đề tài và đạt những hiệu quả nhất định.

Trong các lĩnh vực phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, cơ khí xây dựng đã có nhiều vấn đề trọng tâm được tập trung giải quyết, nhiều giải pháp về phát triển công trình xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, các công nghệ xử lý nước... được chú trọng. Đặc biệt, thời gian qua, công tác tiêu chuẩn hóa và công tác quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa VLXD, quản lý chất lượng công trình xây dựng được đẩy mạnh với việc chuyển đổi hơn 400 tiêu chuẩn ngành thành tiêu chuẩn quốc gia TCVN; đã soát xét, xây dựng mới 06 quy chuẩn quốc gia (QCVN); đang xây dựng mới 07 QCVN.

Bên cạnh những thành tựu đáng khích lệ, báo cáo cũng chỉ rõ nhiều khó khăn, hạn chế còn tồn tại trong hoạt động KH&CN ngành Xây dựng: Trình độ KH&CN chưa cao so với các nước trong khu vực và quốc tế, lực lượng KH&CN của ngành còn thiếu, cơ chế chính sách liên quan tới KH&CN tuy có nhiều đổi mới song chưa đáp ứng tình hình thực tiễn...

Trên cơ sở các đánh giá, nhận định nêu trên, báo cáo đã nêu ra một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Chiến lược KH&CN giai đoạn 2015 - 2016

và các giai đoạn tiếp theo; đề xuất phương hướng và giải pháp thực hiện. Trong các giải pháp, cần tập trung trước mắt đổi mới cơ chế chính sách, gắn hoạt động khoa học với thực tiễn sản xuất; mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp thu các tiến bộ KH&CN, chuyển giao áp dụng có hiệu quả vào điều kiện Việt Nam; đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho KH&CN.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã được nghe các tham luận liên quan đến 08 lĩnh vực trong Chiến lược: “Làm chủ công nghệ xây dựng công trình ven biển và ngoài khơi” của Viện KHCN Xây dựng; “Các công nghệ xử lý, tái chế chất thải rắn sinh hoạt, phế thải xây dựng” của Viện VLXD; “Đổi mới chương trình đào tạo cán bộ quản lý các cấp về xây dựng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước” của Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (AMC)... Những đề tài cấp thiết, được xã hội rất quan tâm hiện nay như khả năng thay thế sợi amiăng bằng các loại sợi khác trong sản xuất tấm lợp, xây dựng công trình ngầm đô thị dạng tuyến ở nước ta... cũng được trình bày khá cặn kẽ và thảo luận sôi nổi. Bên cạnh đó, các đại biểu cũng đã đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc về giải pháp, nguồn lực để thực hiện mục tiêu của Chiến lược.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Lê Quang Hùng nhấn mạnh: Bên cạnh các chương trình rất cụ thể trong từng lĩnh vực (như báo cáo đã nêu), công tác nghiên cứu cơ chế chính sách - đặc biệt các cơ chế nhằm áp dụng các thành tựu mới về KH&CN vào thực tiễn xây dựng của nước ta; thành lập quỹ KHCN; cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về sự phát triển KH&CN... cũng cần được quan tâm thích đáng. Giai đoạn trước mắt, để bảo đảm triển khai hiệu quả, tập trung các nguồn lực thực hiện, Thứ trưởng Lê Quang Hùng đề xuất cần chú trọng vào một số nhiệm vụ cấp thiết, có tính khả thi cao trong 08 lĩnh vực. Mỗi nhiệm vụ sẽ được giao cho một đơn vị đầu mối với nội dung, kết quả dự kiến đạt được, lộ trình thực hiện, các

đơn vị phối hợp; qua từng năm sẽ tiến hành đánh giá kết quả thực hiện.

Thứ trưởng Lê Quang Hùng cũng đánh giá cao các ý kiến phát biểu và các tham luận của các Bộ, ngành, các cơ quan, đơn vị tại Hội nghị, đồng thời khẳng định, những ý kiến hết sức tâm

huyết đó sẽ góp phần nâng cao hiệu quả, hướng tới những thành công mới của ngành Xây dựng trên lộ trình thực hiện Chiến lược.

Lê Minh

## Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Plei Kần mở rộng là đô thị loại IV

Ngày 23/01/2015, tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Plei Kần (huyện Ngọc Hồi - tỉnh Kon Tum) là đô thị loại IV. Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị quốc gia gồm đại diện các Bộ, ngành Trung ương và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành. Về phía chính quyền địa phương tham dự Hội nghị có Phó Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum Nguyễn Đức Tuy và đại diện lãnh đạo Sở Xây dựng, UBND huyện Ngọc Hồi và thị trấn Plei Kần. Ông Trần Quốc Thái - Phó Cục trưởng Cục Phát triển Đô thị Bộ Xây dựng chủ trì Hội nghị.

Báo cáo tóm tắt về nội dung, lý do và sự cần thiết lập Đề án đề nghị công nhận thị trấn Plei Kần là đô thị loại IV, Chủ tịch UBND huyện Ngọc Hồi Trần Văn Chí cho biết: Thị trấn Plei Kần mở rộng có tổng diện tích tự nhiên 2.896 ha, gồm khu vực thị trấn Plei Kần cũ và xã Đăk Xú (thôn Chiên Chiết, Đăk Tang, Ke Joi, Xuân Tân); là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa - giáo dục của huyện Ngọc Hồi (tỉnh Kon Tum). Với vị trí chiến lược nằm ở ngã ba Đông Dương (giáp Lào và Campuchia), là nút giao Quốc lộ 40, Quốc lộ 14C và đường Hồ Chí Minh, thị trấn Plei Kần được mệnh danh “ba quốc gia - một điểm đến”, là đầu mối giao thông quan trọng của vùng tỉnh Kon Tum. Trong kháng chiến chống Mỹ, vị trí vô cùng trọng yếu của Plei Kần gắn với chiến thắng lịch sử Plei Kần lừng danh năm 1972, mở màn cho hàng loạt chiến thắng liên tiếp của quân dân ta ở vùng Tây Nguyên,



Toàn cảnh Hội nghị

đưa đến kết quả toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đồng thời, vị trí đặc thù như vậy cũng là một tiềm năng rất lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn, là điều kiện thuận lợi để giao thương với các vùng trong tỉnh, với các địa phương trong vùng Bắc Tây Nguyên và với các nước trong khu vực.

Từ khi được thành lập (năm 1991) tới nay, được sự quan tâm đầu tư của TW, sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương, thị trấn Plei Kần mở rộng đã phát triển theo đúng định hướng quy hoạch được phê duyệt. Chất lượng cuộc sống người dân được cải thiện rõ rệt, hạ tầng xã hội từng bước được hoàn thiện, bộ mặt đô thị khang trang hơn từng ngày. Tới nay, Plei Kần cơ bản đã hội tụ đủ điều kiện để xét nâng loại lên đô thị loại IV đối với các đô thị vùng cao. Việc lập Đề án đề nghị công nhận thị trấn Plei Kần mở rộng là đô thị loại IV là cần thiết để tạo thêm động lực cho thị trấn phát triển nhanh hơn, vững mạnh hơn, xứng với vị thế trung tâm huyện Ngọc Hồi, hướng tới vai trò đô

thị trung tâm kinh tế - dịch vụ du lịch - thương mại và công nghiệp phía Tây Bắc tỉnh Kon Tum. Việc nâng loại cho thị trấn Plei Kần là phù hợp với Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, và sẽ tạo cơ sở vững chắc cho việc thành lập thị xã Ngọc Hồi trong tương lai không xa.

Nhận xét về Đề án, bên cạnh việc đánh giá cao nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Ngọc Hồi, thị trấn Plei Kần, các thành viên Hội đồng cũng đóng góp nhiều ý kiến tâm huyết để địa phương xây dựng chương trình phát triển đô thị phù hợp sau khi được nâng loại; chú trọng xúc tiến thương mại, phát huy lợi thế giao thương với Lào và Campuchia qua cửa khẩu Bờ Y; chú trọng phát triển cây công nghiệp và công nghiệp chế biến nhằm thu hút lực lượng phi nông nghiệp, tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho người dân... Đối với một số tiêu chí còn ở mức thấp so với đô thị loại IV, Hội đồng cũng đóng góp nhiều ý kiến để chính quyền địa phương sâu sát hơn, kịp thời đề ra những cơ chế, giải pháp hiệu quả.

Hội đồng đã nhất trí công nhận thị trấn Plei Kần đủ điều kiện trở thành đô thị loại IV, với điểm số trung bình 79,1 điểm. Phát biểu kết

luận, ông Trần Quốc Thái cho biết: Đối chiếu với 06 tiêu chuẩn, 42 tiêu chí quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về việc phân loại đô thị, và theo Thông tư số 34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung phân loại đô thị của Nghị định 42, tuy Plei Kần có khá nhiều chỉ tiêu đạt tối đa so với quy định (tỷ lệ nhà kiên cố; đất xây dựng công trình công cộng và đất dân dụng; cơ sở y tế - giáo dục - trung tâm thương mại...); song vẫn còn 07 tiêu chí chưa đạt (nhà tang lễ, tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng, xử lý nước thải...); và 06 tiêu chí cần áp dụng quy chế đô thị vùng cao (trong đó có nhóm chỉ tiêu kinh tế - xã hội). Do đó, sau khi được nâng loại, tỉnh và thị trấn cần chú trọng hơn nữa tới chất lượng đô thị; xác định rõ lộ trình phát triển, tập trung đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật, giao thông. UBND tỉnh cũng cần tập trung chỉ đạo hoàn thiện các quy hoạch vùng tỉnh, quy hoạch chung của khẩu Bờ Y; hướng tới phát triển Plei Kần thành một đô thị ven cửa khẩu, đô thị đầu mối trong giao lưu kinh tế - văn hóa giữa các vùng trong tỉnh với các tỉnh miền Trung Tây Nguyên và các nước Lào - Campuchia - Thái Lan.

Lệ Minh

## **Giải pháp bảo đảm cho việc xây dựng những công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, bền vững và an toàn sinh thái ở Liên bang Nga**

Nhà ở là không gian sống, trong đó con người gắn bó phần lớn cuộc sống của mình, bởi vậy, nhà ở trước tiên phải đáp ứng được các yêu cầu nghiêm ngặt nhất về vệ sinh dịch tễ. Theo Luật Liên bang Nga số 384-F3 ngày 30/12/2009: “Yêu cầu kỹ thuật về tính an toàn của các tòa nhà và công trình”, nhà ở cần được thiết kế và xây dựng sao cho người sinh sống trong các công trình đó không phải chịu bất kỳ tác động có hại nào về hóa - lý, sinh học, điện

từ trường, phóng xạ, tiếng ồn... Bên cạnh đó, nhà ở cần có tuổi thọ lâu dài, tiết kiệm năng lượng, có khả năng phòng chống cháy và được xây dựng bằng các vật liệu, các sản phẩm thân thiện môi trường.

Tại nhiều quốc gia phát triển trên thế giới, hệ thống “xây dựng xanh” đã được hình thành và áp dụng, bảo đảm tính đồng bộ của một hệ sinh thái tiêu chuẩn. Tại Liên bang Nga, phong trào ủng hộ “xây dựng xanh” mới đang ở giai đoạn nhen nhóm.



Từ ngày 01/3/2013, tiêu chuẩn GOST P 54954-2013: “Đánh giá sự phù hợp. Các yêu cầu về mặt sinh thái đối với các công trình bất động sản” bắt đầu có hiệu lực. Tuy nhiên tiêu chuẩn này chỉ mang tính áp dụng tự nguyện.

Từ xa xưa, con người đã cố gắng xây dựng cho mình một chỗ trú ngụ bằng những vật liệu sinh thái tự nhiên - gỗ, đá, đất sét, gạch, rơm rạ... Nước Nga đã từng có những bài học về việc sử dụng các vật liệu và sản phẩm thiếu độ tin cậy, nguy cơ cháy cao và độc hại đối với sức khỏe người dân trong lĩnh vực xây nhà. Đó là những tòa nhà chung cư cao tầng sử dụng tấm tường panel được xây dựng đại trà vào thập kỷ 70 - 80 thế kỷ trước tại Moskva, là những khu tập thể 2 tầng có từ 8 - 12 căn hộ sử dụng tường panel gỗ được xây dựng phổ biến tại Iakutia theo thiết kế điển hình của Viện nghiên cứu khoa học thiết kế & xây dựng các công trình công nghiệp - công trình dân dụng thuộc Ủy ban Xây dựng Quốc gia của Liên Xô trước đây.

Tháng 5/2013, Hiệp hội kỹ sư xây dựng Nga đã khuyến cáo những người làm công tác xây dựng về những nguy cơ khi ứng dụng bọt xốp polystyrene làm vật liệu cách nhiệt trong công trình. Nga gia nhập WTO khi cơ chế kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng vẫn chưa được điều chỉnh phù hợp. Việc cấp chứng nhận diễn ra khá tự do, thiếu kiểm soát về tính phù hợp của các vật liệu đối với xây dựng, cộng thêm sự tắc trách của một số nhà sản xuất cho ra lò những sản phẩm chất lượng kém, tất cả những điều này đã dẫn đến một cái nhìn thiếu đầy đủ và chính xác về các tính chất của vật liệu xây dựng, thậm chí còn che giấu những đặc tính độc hại của chúng.

Trong bối cảnh trên, các nhà thiết kế, xây dựng, bên đặt hàng và các đơn vị khảo sát rất khó xác định sự phù hợp để ứng dụng các vật liệu trong xây dựng theo các yêu cầu tiêu chuẩn trong quy định kỹ thuật về mức độ an toàn của nhà/ công trình, an toàn cháy và an toàn vệ sinh. Các vật liệu cách nhiệt hiện đại được sử

dụng để giữ nhiệt cho các ngôi nhà ở như bọt xốp polystyrene, bông khoáng... không thể bảo đảm tuổi thọ cho các tòa nhà có thời gian khai thác tới 100 năm. Khi thiết kế nhà ở, các nhà xây dựng dường như quên và rất hay vi phạm điều 33 Luật Liên bang số 384-F3 ngày 30/12/2009 “Quy định kỹ thuật về tính an toàn của các tòa nhà/ công trình”, khi trong hồ sơ thiết kế thiếu các thông tin về thời hạn khai thác vận hành tòa nhà và các bộ phận của tòa nhà, thiếu các chỉ số hiệu quả năng lượng và mức độ chống cháy của công trình và các bộ phận của công trình. Điều 5 Luật Liên bang số 234-F3 ngày 23/11/2009 “Về việc bảo vệ quyền lợi cho người sử dụng” cũng bị vi phạm.

Khi thiết kế những tòa nhà sinh thái, sử dụng năng lượng tiết kiệm, cần luôn ưu tiên cho đặc điểm sinh thái của ngôi nhà. Hiện nay, một trong những vật liệu cách nhiệt thông dụng tại các công trình ở, công trình dân dụng là các tấm bọt xốp polystyrene có khả năng tự dập lửa thường được sử dụng như một lớp ốp trên các mặt dựng. Yếu tố tiềm ẩn nguy cơ cao khi sử dụng loại vật liệu này là sự độc hại của sản phẩm nếu xảy ra hỏa hoạn. Các nghiên cứu mới đây của nhóm nghiên cứu thuộc trường Đại học Bách khoa Perm (thành phố Perm - Liên bang Nga) cho kết quả: Tấm bọt xốp polystyrene khi cháy sẽ thải ra khí cacbonin clorua - loại khí cực độc khi nồng độ đạt 0,01 - 0,03 mg/l. Sự tiếp xúc của khí với màng phổi con người sẽ tàn phá nhanh chóng hai lá phổi và toàn bộ hệ hô hấp. Ví dụ cụ thể là vụ cháy tại một hộp đêm ở thành phố Perm làm chết 156 người, rất nhiều vụ cháy tại nhiều nơi khác với nhiều người chết do hít phải khí độc.

Những ảnh hưởng bất lợi từ các hợp chất trong vật liệu polymer đã được khẳng định bằng các nghiên cứu đặc biệt trên động vật. Bên cạnh đó, qua theo dõi, quan sát những người có thời gian dài sinh sống trong môi trường hay phát sinh loại khí độc nêu trên, các chuyên gia cũng kết luận rằng: Thanh niên và những người



trung tuổi chịu nguy cơ nhiều nhất, đặc biệt là những người bị bệnh tim, gan, thận, phổi, và phụ nữ đang mang thai. Cơ quan thanh sát Liên bang Nga trong văn bản số 03-B/17 ngày 28/3/2012 đã đề xuất: "...xét tới các nguy cơ khi cháy của bọt xốp polystyrene, có thể và nên hạn chế sử dụng loại vật liệu này trong xây dựng nhà ở, trường học, nhà trẻ và các cơ sở y tế (công trình thuộc nhóm A); đặc biệt trong lĩnh vực xây nhà ở, cần cấm sử dụng các vật liệu polymer có khả năng gây ảnh hưởng không tốt tới điều kiện vệ sinh môi trường và sức khỏe của người dân".

Vật liệu cách nhiệt từ bông khoáng thường là nơi trú ngụ ưa thích của nhiều loại côn trùng (muỗi, ruồi...) - những tác nhân làm lây lan bệnh truyền nhiễm. Nếu các tấm bông khoáng nhiễm ẩm, nấm mốc có thể xuất hiện - điều này cũng không hề có lợi cho sức khỏe con người. Trong quá trình sử dụng, các tấm xốp polystyrene bị hư hỏng cũng là một nguồn ô nhiễm đáng lo ngại. Thời hạn sử dụng các vật liệu cách nhiệt thông thường trên đây bị hạn chế sẽ dẫn đến chi phí đáng kể về nhân công để thay thế vật liệu cũ đã mất đi các tính chất cách nhiệt, và xử lý các phế thải đó.

Do đó, các cơ quan hữu quan của nhà nước cần lắng nghe ý kiến của các chuyên gia khoa học, các bác sĩ, các nhà vệ sinh - dịch tễ học, từ đó triển khai các văn bản tiêu chuẩn về tính an toàn của các tòa nhà/ công trình; tính an toàn cháy và an toàn vệ sinh dịch tễ của các vật liệu và sản phẩm xây dựng.

Các nhà xây dựng, nhà thiết kế, các nhà sản xuất trong nước cần ghi nhớ: Theo Điều 3 Điểm 41 Hiến pháp Liên bang Nga "các cá nhân và tổ chức có nguy cơ gây hại cho cuộc sống và sức khỏe của người dân đều phải chịu trách nhiệm tương ứng theo quy định của pháp luật Liên bang".

Việc xây nhà bằng các vật liệu và sản phẩm đạt mức an toàn về mọi mặt - tính an toàn này được kiểm chứng qua các nghiên cứu khoa học

tiến hành trong nhiều năm cũng như qua thực tế ứng dụng có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Vậy những vật liệu nào có thể đáp ứng được yêu cầu nêu trên?

Một trong các vật liệu xây dựng rất bền vững, tiết kiệm năng lượng, bảo đảm an toàn sinh thái và an toàn cháy, đạt độ tin cậy cao trong khai thác sử dụng chính là keramzit (đất sét xốp) và bê tông keramzit (bê tông sét).

Vào thập kỷ 60 - 70 thế kỷ XX tại Liên Xô, ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng với thành phần cốt liệu xốp nhân tạo (sỏi cuội keramzit) để sản xuất các sản phẩm và kết cấu bê tông nhẹ keramzit đã ra đời. Bê tông nhẹ keramzit thân thiện với môi trường, bền với thời gian, đáp ứng mọi yêu cầu về an toàn cháy và sử dụng năng lượng tiết kiệm khi áp dụng trong xây nhà thấp tầng và cao tầng, nhà bê tông tấm lớn, nhà xây khung toàn khối, tóm lại là cho các công trình nhà ở và công trình dân dụng.

Keramzit là cơ sở để phát triển phương thức xây dựng nhà panel tấm lớn, cho phép cùng một lúc giải quyết nhiều nhiệm vụ quan trọng của ngành Xây dựng: Xây dựng nhanh các công trình nhà ở, công trình công cộng và công nghiệp; giảm chi phí lao động và giá thành công trình; nâng cao khả năng cơ giới hóa đối với công tác thi công xây lắp.

Năm 1988, tổng diện tích sàn được xây dựng tại Liên bang Nga là 76 triệu m<sup>2</sup>, trong đó 80% là nhà panel tấm lớn trên cơ sở bê tông keramzit. Trong từng giai đoạn ngắn, áp lực về vấn đề nhà ở đã được tháo gỡ.

Kinh nghiệm tích cực của Liên Xô trước đây trong việc giải quyết vấn đề nhà ở được áp dụng một cách hợp lý vào tình hình thực tại.

Sơ suất về việc điều chỉnh kỹ thuật trong xây dựng thời kỳ này chính là việc các yêu cầu giữ nhiệt được sửa đổi trong tiêu chuẩn SNiP 11-3-79 "Vật lý nhiệt trong xây dựng" đã được thông qua một cách vội vàng và còn thiếu nhiều cơ sở khoa học (các yêu cầu này sau đó đã phải điều chỉnh lại lần nữa). Hệ quả của việc

làm này là ngành sản xuất vật liệu xây dựng - trong đó có sản xuất sỏi cuội keramzit cùng các sản phẩm và kết cấu từ bê tông nhẹ keramzit - đã phải hứng chịu tổn thất lớn. Số lượng các cơ sở sản xuất sỏi cuội keramzit tại Nga đã giảm đáng kể, từ 307 cơ sở năm 1991 tới nay chỉ còn gần một nửa, cùng với đó là sự sụt giảm sản lượng keramzit từ 22 triệu m<sup>3</sup> xuống còn 4,2 triệu m<sup>3</sup> - tức là chỉ còn bằng 1/5 sản lượng trước đây.

So với bê tông cốt thép nặng, các panel và viên xây tường có thành phần cốt liệu sỏi cuội keramzit nhẹ hơn rất nhiều, hơn nữa đảm bảo hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm; ngoài ra, các sản phẩm và kết cấu từ bê tông nhẹ keramzit bền hơn, tuổi thọ cao hơn. Nhằm bảo đảm nhu cầu sử dụng trong nước đối với sỏi cuội keramzit với các thông số tiêu chuẩn theo quy định, cần hiện đại hóa các cơ sở sản xuất hiện hành, cải tạo những cơ sở quá cũ trên cơ sở đổi mới các công nghệ tiết kiệm năng lượng.

Keramzit là vật liệu nhân tạo có cấu trúc tổ ong rỗng xốp, được hình thành từ á sét dễ chảy được nung kết ở nhiệt độ 1.000°C trong các lò quay. Keramzit có tính bền với môi trường, tính bền bằng giá, tuổi thọ cao, đặc tính chống cháy cao, không thải ra môi trường các khí độc hại trong trường hợp hỏa hoạn, cũng như trong toàn bộ quá trình vận hành dài lâu của công trình. Keramzit không có trong thành phần các yếu tố dễ bị ăn mòn, dễ ẩm mốc, và không có mùi.

Đặc điểm khác biệt của keramzit với các cốt liệu rỗng xốp khác là cường độ cao nhưng trọng lượng lại nhỏ, tính truyền nhiệt cực thấp. Bê tông keramzit thuộc nhóm cuội kết nhân tạo, được hình thành từ vữa keramzit đặc biệt, cát, xi măng và nước. Loại vật liệu này khác với các bê tông nhẹ ở chỗ có khả năng ứng dụng rộng rãi trong các chế phẩm và kết cấu xây dựng như một loại vật liệu cách nhiệt và có cấu trúc cách nhiệt cực kỳ hiệu quả.

Độ ẩm trung bình của bê tông keramzit đặc chắc đối với điều kiện tiêu chuẩn bằng 5 - 10%,

ở bê tông khí và bê tông bọt độ ẩm này là 8 - 12%. Đối với bê tông keramzit không có cát trong thành phần và lỗ rỗng lớn, độ ẩm chỉ từ 3 - 5%. Điều này bảo đảm sự ưu việt của bê tông keramzit trong các kế hoạch nâng cao tính năng giữ nhiệt của vật liệu xây dựng. Về nguyên tắc, khi độ ẩm tăng cao, các đặc tính giữ nhiệt vốn có của vật liệu sẽ bị giảm sút nhanh chóng. Mỗi phần trăm độ ẩm bổ sung sẽ làm giảm rõ rệt các tính chất giữ nhiệt của vật liệu và các sản phẩm xây dựng, đặc biệt trong những ngày đông lạnh.

Sự chấn hưng của ngành sản xuất keramzit ở cấp độ mới, chất lượng cao hơn, và việc ứng dụng rộng rãi vật liệu bê tông keramzit với đặc tính an toàn sinh thái, tiết kiệm năng lượng - đó chính là hướng đi hiệu quả để hiện thực hóa chương trình mục tiêu quốc gia “Nhà ở tiện nghi và có mức giá hợp lý cho các công dân Nga” - chương trình hiện đang được triển khai nhưng chưa rộng rãi, và kết quả ban đầu đạt được chưa như mong muốn. Theo các số liệu thống kê, việc sử dụng tổ hợp các kết cấu và sản phẩm bê tông nhẹ keramzit trong xây nhà ở đã và đang mang lại hiệu quả lớn về mặt kinh tế - kỹ thuật, giảm giá thành mỗi m<sup>2</sup> sàn ở tới 20%. Những ưu điểm về mặt công nghệ và xây dựng của nhà khung lắp ghép liền khối từ bê tông keramzit, và các kết cấu bao che từ các viên xây và panel bằng bê tông keramzit có tính tiết kiệm năng lượng sẽ đảm bảo việc giảm thiểu khối lượng vật liệu xây dựng (giảm trọng lượng các tòa nhà tới 35%), giảm lượng cốt thép tiêu hao tới 20%, giảm đáng kể sự thất thoát nhiệt - bao gồm cả sự thất thoát nhiệt thông qua các yếu tố chịu lực trong các kết cấu, bảo đảm tính an toàn động đất cao của các tòa nhà/ công trình.

Tiêu chuẩn SNIIP 23-02-2003 “Giữ nhiệt cho các công trình” có hiệu lực kể từ 01/7/2013 đã hé mở một triển vọng mới trong thiết kế và xây dựng nhà ở và công trình công cộng, với tường một lớp có ứng dụng các sản phẩm và kết cấu bằng bê tông nhẹ keramzit.

Vấn đề lớn mang tính toàn cầu về sinh thái môi trường nơi cư trú cần được giải quyết một cách có hệ thống và đồng bộ trên cơ sở khoa học. Trọng tâm cần đặt ra là ứng dụng các vật liệu xây dựng thân thiện môi trường như keramzit và bê tông keramzit. Tại Nga, kinh nghiệm quý giá để giải quyết vấn đề này đã được tích lũy, và đang được phát huy một cách hiệu quả.

Xây dựng những ngôi nhà an toàn sinh thái, thân thiện môi trường cần trở thành một cấu phần cơ bản của chương trình tổng thể bảo vệ con người của Liên bang Nga.

V. Gorin

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 22

(ngày 30/5/2014)

ND: Lê Minh

## Hiệu quả của việc sử dụng lớp đệm cát đầm chặt trong xây dựng nhà cao tầng trên nền đất yếu

Đất tại nhiều công trường xây dựng được đặc trưng bởi các tính chất đặc thù đòi hỏi áp dụng các biện pháp đặc biệt trong thi công nền, móng và tầng ngầm của nhà và công trình. Trong các tiêu chuẩn và tài liệu kỹ thuật, thuộc loại đất nêu trên gồm có đất đắp (nhân tạo), cát xốp, sét yếu, đất than bùn, đất trương nở và đất có tính lún chảy.

Phân tích nguyên nhân gây ra sự cố, biến dạng của nhà và công trình cho thấy thi công không tính đến các tính chất đặc biệt của đất nền có thể phá hỏng hoặc gây biến dạng móng và kết cấu ngầm của công trình. Sự lún tăng thêm của đất nền công trình do một số lượng lớn các yếu tố và tác động mang tính kỹ thuật gây ra, như: Sự thay đổi mức nước ngầm, sự tăng thêm tải trọng lên móng, chất lượng thi công xây lắp chưa đạt yêu cầu,... Tình trạng tăng thêm mức lún đối với móng và sự biến dạng của đất nền công trình nhiều khi do áp dụng các công nghệ thi công thiếu cơ sở khoa học cùng với việc sử dụng các loại máy và công cụ thi công có sử dụng tác động va đập và rung (như máy khoan cọc, máy cạp đất công suất lớn, xe lăn đường đầm rung,...).

Hiệu quả của các công nghệ được sử dụng trong thi công nền, móng và phần ngầm của nhà trên đất có các tính chất đặc thù, cần phải được xác định dựa trên so sánh các phương án công nghệ khác nhau và tham khảo kinh nghiệm thi công trong các điều kiện địa chất -

công trình và thủy văn tương ứng. Công nghệ thích hợp thi công trên nền đất yếu cần được xác lập trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, khảo sát ngay tại hiện trường.

Các biện pháp cơ bản giảm biến dạng của nền và ảnh hưởng của sự biến dạng nền lên công trình được nêu tại Tiêu chuẩn quốc gia "Nền của nhà và công trình". Một trong số các biện pháp nêu trên là thay thế tất cả hoặc một phần đất yếu trong nền (theo mặt bằng và theo chiều sâu) bằng lớp đệm từ cát hoặc sỏi,... Phần dưới đây sẽ giới thiệu kết quả thí nghiệm đối với các công trình được xây dựng trên các khu đất tưới tiêu Lyuberets vùng Mátxcova (bao gồm các tòa nhà ở cao 14 tầng sử dụng hệ thống kết cấu 111M với số lượng đơn nguyên khác nhau).

Độ cứng không gian và sự bền vững của các tòa nhà được bảo đảm bằng sự làm việc đồng thời của các đĩa trần ngăn cứng không thay đổi kết hợp với hệ thống chịu lực bên trong kiểu chéo chữ thập và tường ngoài đầu hồi chịu lực.

Các cấu kiện và sản phẩm sản xuất quy mô công nghiệp đã được sử dụng trong hệ thống kết cấu xây dựng 111M. Các cụm ghép nối có khả năng ngăn ngừa sự đổ sụp tiến triển đối với kết cấu của nhà đã được sử dụng. Ngoài mối nối kiểu neo hệ thống kết cấu đã sử dụng các mối liên kết theo phương thẳng đứng giữa các tấm panel bên trong và bên ngoài từ tầng 2 cho đến tầng kỹ thuật kết hợp với các mối hàn bổ sung tại các cạnh thẳng đứng của các tấm panel đó.

Móng là tấm bê tông cốt thép liên khối chiều dày 800 - 1.000 mm và được phân chia thông qua các mối hàn nối biến dạng - lún thi công bằng vữa bê tông mác B7,5 chiều dày 100 mm. Mác chống thấm nước là W6.

Công trường thí nghiệm xây dựng nhà nằm trong vùng đất băng tích Mátxcova-Dnepr hình thành từ đất sét pha, cát pha, thêm ít đất sét cứng, sét nửa cứng và sét dẻo cứng. Khu vực băng tích được bao phủ bởi các lớp trầm tích bề mặt và trầm tích nước - sông băng.

Các lớp trầm tích nước - sông băng là loại đất sét pha với các khối lượng riêng khác nhau và cát có chứa đá vụn và đá dăm dưới dạng ống hoặc lớp xen giữa. Cát chủ yếu có khối lượng riêng mức trung bình. Các lớp trầm tích phủ mặt là các lớp sét pha.

Cấu tạo địa chất tại khu vực công trường (mũi khoan thăm dò sâu đến 25 m) như sau: Lớp trầm tích mặt kỷ đệ tứ trên là đất sét pha có độ dẻo cao và độ dẻo thấp; trầm tích nước - sông băng không phân lớp kỷ đệ tứ giữa của tầng Mátxcova là các lớp đất sét pha có độ dẻo cao, độ dẻo thấp và nửa cứng kể cả cát hạt nhỏ; trầm tích tầng đá phấn là cát hạt nhỏ có khối lượng riêng trung bình; phía trên của lớp trầm tích là lớp đất trồng trọt và đất đắp.

Nước ngầm khu vực công trường ở chiều sâu 4 - 10 m. Công trường không tiềm tàng nguy cơ bị ngập nước.

Các quá trình và hiện tượng vật lý - địa chất không thuận lợi cho các hoạt động xây dựng đã được thiết kế đều không phát hiện thấy trong quá trình tiến hành khảo sát.

Kết quả thí nghiệm tại một trong các công trường cho thấy trong điều kiện thời tiết - khí hậu của vùng Mátxcova, các lớp đất yếu thuộc các Phần tử địa chất công trình N<sup>02</sup> và N<sup>03</sup> đều nằm dưới mức đặt móng của tòa nhà và xét theo tất cả các chỉ tiêu cơ - lý đều chưa được đầm chặt đạt mức cần thiết. Do đó, các lớp đất yếu thuộc các Phần tử địa chất công trình N<sup>02</sup> và N<sup>03</sup> được thay thế bằng lớp đệm bằng cát đầm chặt với cát có kích thước hạt lớn và trung bình. Tổng chiều dày của lớp đệm cát trong nền nhà là 2 m đến 4,5 m.

Các thí nghiệm đầm được thực hiện trước khi thi công nền cát đầm chặt đã thu được các thông số công nghệ (chiều dày lớp đắp trong lớp đệm, độ ẩm tối ưu, số lượt chạy máy đầm) bảo đảm nhận được các giá trị mong muốn về khối lượng riêng của đất được đầm chặt, kể cả các giá trị sử dụng cho công việc kiểm tra đối với các chỉ tiêu cần được giám sát tác nghiệp trong quá trình thi công (như sự hạ thấp bề mặt đầm, sự lún marka,...). Việc thí nghiệm đầm lớp đệm đất (cát) được thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia "Công tác đất, nền và móng".

Trước khi tiến hành thí nghiệm đầm, nhiều mẫu cát sử dụng cho lớp đệm đã được khảo sát trong điều kiện phòng thí nghiệm. Kết quả thí nghiệm giúp quyết định chọn loại cát có kích thước hạt trung bình do việc thi công lớp đệm cát sẽ được thực hiện trong điều kiện độ ẩm thiên nhiên (cát ở mỏ) trong đó đặc biệt chú ý khối lượng riêng của cát có độ ẩm từ mức thiên nhiên đến mức tối ưu hoặc cao hơn. Kết quả thí nghiệm cho thấy khi độ ẩm thay đổi từ 5% đến 13%, khối lượng riêng của đất khô (cát) đạt trên 1,82 g/cm<sup>3</sup>, như vậy khối lượng riêng của đất khô (cát) đáp ứng các yêu cầu của công tác thi công trong điều kiện công trường.

Công nghệ thi công lớp đệm cát được xác lập trên cơ sở kết quả đầm thí nghiệm:

- Việc đầm cát được thực hiện bằng xe lăn đường đầm rung ép phẳng trọng lượng 13 - 19 tấn và số lần chạy xe là 15 - 16 lần;
- Đường chạy xe đầm rung lần thứ nhất là đầm sơ bộ (đầm tĩnh) với tốc độ chạy xe là 1,5 - 2 km/h; từ lần chạy xe thứ hai trở đi, tốc độ chạy xe là 3,5 - 4,5 km/h; lần chạy xe cuối cùng tốc độ chạy xe là 1,5 - 2 km/h;
- Sơ đồ đường chuyển dịch của xe lăn đầm rung là hình dích dắc;
- Độ ẩm của cát (thiên nhiên) là 6% - 14%, chiều dày lớp cát đầm là 20 - 55 cm;
- Việc kiểm tra tác nghiệp đối với chất lượng lớp đệm cát được thực hiện bằng thiết bị đo độ đầm chặt SPG-1M (số lượng điểm đo không dưới 6 điểm đối với mỗi lớp đầm);
- Việc kiểm tra tại công trường đối với độ

đầm chặt được thực hiện bằng đầu đo kích thước nhỏ.

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy vận tốc xe lăn đầm rung càng nhỏ độ đầm chặt và chiều dày đầm càng cao. Tuy nhiên, giảm vận tốc chạy xe gây giảm mạnh năng suất đầm. Với vận tốc xe đầm rung nêu trên chiều dày lớp cát đầm đạt giá trị lớn nhất sau 6 - 8 lần chạy xe trên cùng một vệt đầm. Với vận tốc chạy xe khoảng 3,6 - 4,2 km/h, chiều dày lớp cát đầm và năng suất đầm đạt giá trị tối ưu.

Việc đầm lớp đệm cát bằng xe lăn đường đầm rung chạy với vận tốc lớn bằng 5 - 6 km/h đòi hỏi phải tăng số lần chạy xe trên cùng một lớp cát đầm. Chiều dày của lớp cát đắp trong trạng thái tơi xốp được lấy bằng 10% - 15% cao hơn giá trị đặt ra trong thiết kế và sẽ được điều chỉnh cho chính xác hơn theo kết quả đầm thí nghiệm. Cát sử dụng cho việc thi công lớp cát đầm chặt được khai thác từ mỏ cát và các tính chất của loại cát này đã được xác định trong phòng thí nghiệm.

Để bảo đảm chất lượng các công việc theo thiết kế, tất cả các công việc thi công nền cát đầm nhân tạo đều được thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia "Công tác đất, nền và móng".

Xét theo tất cả bề mặt khu đất và theo chiều sâu của nền cát đầm chặt - lớp đệm cát, các đặc tính sau đây đã được xác định: Khối lượng riêng của đất khô (cát)  $\rho_d \sim 1,8 - 1,85 \text{ g/cm}^3$ ; hệ số đầm chặt  $k_{com}$  lớn hơn hoặc bằng 0,98.

Mô đun biến dạng của cát bên trong phần thân của lớp đệm được đầm chặt bằng xe lăn đường đầm rung được xác định căn cứ trên kết quả thí nghiệm hiện trường đối với đất theo phương pháp tải trọng tĩnh bằng phương pháp thí nghiệm ép.

Kết quả nghiên cứu cho thấy đối với việc tính toán kết cấu của nhà cần phải áp dụng các giá trị chuẩn mực sau đây đối với các đặc tính cơ - lý của cát trong phần thân của lớp đệm cát đầm chặt trong nền của công trình nhà đang được xây dựng: Góc ma sát trong bằng 35°; mô đun biến dạng E bằng 35 Mpa.

## Kết luận

1. Trong quá trình nghiên cứu đã xác định được rằng nếu sức căng trong nền bên dưới móng của nhà nhiều tầng đạt trên 0,3 Mpa và các lớp đất nền phía trên có chiều dày đến 4,5 m là đất yếu, trong đó mô đun biến dạng chung đặc trưng bởi giá trị trong khoảng 5 - 15 Mpa thì việc thi công lớp đệm cát đầm chặt từ cát kích thước hạt lớn hoặc trung bình là giải pháp kết cấu có cơ sở khoa học và hiệu quả so với sử dụng móng cọc và các phương pháp gia cố đất khác.

2. Đối với việc thi công lớp đệm cát đầm chặt trong điều kiện thời tiết - khí hậu thay đổi trong quá trình thi công hoặc trong điều kiện có thể có mưa hoặc thường xuyên có mưa thì việc sử dụng cát có kích thước hạt lớn hoặc trung bình là có cơ sở khoa học vì những lý do sau:

- Loại cát nêu trên có thể được đầm chặt bằng các loại máy đầm đất khác nhau (xe lăn đường đầm tĩnh, xe lăn đường đầm rung, các xe máy đầm đất loại nhỏ khác,...) trong mọi điều kiện độ ẩm từ độ ẩm tự nhiên (4% - 6%) cho đến cát bão hòa nước. Độ ẩm tối ưu cho việc đầm loại cát này là 8% - 14%;

- Cát bên trong phần thân của lớp đệm cát sau khi được đầm sẽ là cát không trương nở. Về mùa đông lớp đệm cát đã được đầm chặt không đòi hỏi thực hiện biện pháp cách nhiệt đặc biệt và việc thi công móng nhà có thể được thực hiện ngay mà không cần thực hiện thêm các biện pháp khác. Về mùa xuân không đòi hỏi thực hiện việc bảo dưỡng cũng như không cần tiến hành các thí nghiệm nhằm xác định lại các đặc tính của cát đầm đã được xác định từ trước;

3. Tổng chiều dày của lớp đệm cát được xác định thông qua kết quả tính toán đối với lún có thể xảy ra, chiều dày của lớp đất yếu, năng lực công nghệ của đơn vị thi công.

**M. Yu. Abelev, R.R. Bakhronov và Z.U. Dzhangidze**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng công nghiệp và dân dụng Nga, số 4/2014*

**ND: Huỳnh Phước**



## **Những khó khăn đối với dự án xây dựng đường cao tốc trên cao nguyên Thanh Hải - Tây Tạng**

Khí hậu của vùng cao nguyên Thanh Hải - Tây Tạng (cao nguyên Thanh Tạng - Trung Quốc) rất khắc nghiệt, luôn biến động và có sự chênh lệch lớn về nhiệt độ, hàm lượng oxy trong không khí thấp... Đây là những vấn đề khó khăn đối với dự án xây dựng đường cao tốc ở vùng này, khi mà kỹ thuật thi công thông thường không đáp ứng được.

Độ cao trung bình của cao nguyên Thanh Tạng vào khoảng trên 4.000 m, hàm lượng oxy trong không khí chỉ bằng khoảng 50 đến 70% so với khu vực đồng bằng, nhiệt độ chênh lệch giữa đêm và ngày lớn. Đường cao tốc Trọng Đăng được xây dựng trên cao nguyên Thanh Tạng đi qua khu vực địa hình cao nguyên gò đồi điển hình, bề mặt mấp mô tương đối nhiều, địa hình phức tạp đa dạng, có độ dốc lớn và nhiều khe núi, độ cao so với mực nước biển trung bình của toàn tuyến là 3.200 m, có nhiều đoạn trên 5.000 m và có băng vĩnh viễn.

Cao nguyên Thanh Tạng là khu vực sinh sống tập trung của người Tây Tạng - dân tộc bản địa vùng Tây Tạng. Người Tây Tạng bản địa có truyền thống văn hóa, phong tục tập quán và ngôn ngữ, chữ viết từ lâu đời.

### **Những khó khăn đối với việc thi công đường cao tốc trên cao nguyên Thanh Tạng**

Việc xây dựng đường cao tốc Trọng Đăng trên cao nguyên Thanh Tạng gặp rất nhiều khó khăn. Tuyến đường được xây dựng dựa trên nền đường cũ chạy dọc theo sông Brahmaputra, đi qua nhiều khe núi. Trước khi mở rộng và nâng cấp, tuyến đường cũ thiếu rất nhiều công trình kỹ thuật phụ trợ như hệ thống tiêu thoát nước, thiếu công trình phòng hộ, do đó, để nâng cấp con đường này lên tiêu chuẩn đường cao tốc cấp 4, khối lượng các công việc thi công là rất lớn và phức tạp, trong đó có việc hoàn thiện hệ thống kê bảo vệ mái dốc, xây dựng kênh dẫn dòng, gia cố nền đường, thi công lưới chặn đất

đá ở các sườn núi ven đường...

Do vị trí địa lý, đất đóng băng chiếm quá nửa diện tích của cao nguyên Thanh Tạng, dưới tác động của hiện tượng ấm nóng toàn cầu, diện tích đất đóng băng đang có xu hướng thu hẹp. Quá trình đóng băng và tan băng ảnh hưởng rất lớn đến kết cấu mặt đường và nền đường.

Quá trình tan chảy của băng dưới mặt đất đóng băng lâu năm làm cho nền đường bị lún, cộng thêm với tác động của tải trọng vận hành, khiến cho đường mau bị hỏng. Có đến 80% diện tích mặt đường cao tốc trên cao nguyên Thanh Tạng bị hư hỏng do nguyên nhân này.

Đất đóng băng lâu năm trong một thời gian dài và quá trình tan băng chậm trong mùa đông. Nhiệt độ giữa ngày và đêm có sự chênh lệch lớn, không khí lạnh - ấm thay đổi thất thường khiến quá trình tan băng có thể kéo dài trong vài ngày, một lượng lớn tuyết tích tụ sau khi tan ra thấm thấu vào đường, kết hợp với lớp băng chưa tan tạo thành một lớp đông kết như nước ngưng tụ. Độ ẩm của nền và bề mặt đường nhanh chóng tăng lên, từ đó làm mất đi khả năng chịu tải và dẫn tới nền đường có hiện tượng trương nở do lạnh.

Đường cao tốc là con đường cần thiết trong đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân nơi đây, do vậy việc nhanh chóng thi công công trình cũng là một khó khăn cho việc tổ chức thi công tuyến đường cao tốc Trọng Đăng. Để đảm bảo việc thi công, nâng cấp đường trong khi vẫn cho phép các phương tiện lưu thông, việc tổ chức thi công của dự án này được thực hiện theo cách thu hẹp diện tích thi công, thi công theo phân đoạn, nên việc bố trí nhân công và thiết bị phải hết sức linh hoạt.

Do đặc điểm địa hình ở độ cao trên 4.000 m, mùa đông lạnh với nhiệt độ dưới 0 chiếm trên 50% thời gian cả năm, nên việc thi công dự án đường cao tốc Trọng Đăng chủ yếu được tập

trung trong mùa hè. Tuy nhiên, vào mùa hè, do khí hậu ôn đới gió mùa nên khu vực này thường có mưa nhiều từ tháng 5 đến tháng 9, với lượng mưa khoảng 600 mm. Điều này cũng gây bất lợi cho việc thi công, do đó, thời gian thi công thực tế cũng bị thu hẹp.

Một khó khăn khác đối với dự án là do mật độ dân cư ở cao nguyên Thanh Tạng thấp, và chủ yếu là dân tộc Tây Tạng có kết cấu ngôn ngữ tương đối phức tạp; mà người thi công thường không hiểu tiếng Tây Tạng, do vậy gặp khó khăn trong giao tiếp. Ngoài ra xung đột, mâu thuẫn giữa người thi công với người dân Tây Tạng cũng làm ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ thi công của công trình.

Bê tông xi măng là một loại nguyên liệu phức hợp, các thành phần của nó có tính chất nóng nở ra mà lạnh thì co lại. Do bê tông không có tính dẻo, khi nhiệt độ thay đổi sẽ làm cho tấm bê tông có xu hướng biến dạng, có thể trương nở hoặc co ngót, và là những nguyên nhân gây hư hỏng đường.

### **Nguyên tắc thiết kế nền đường, mặt đường và hệ thống tiêu thoát nước trên đất đóng băng**

Để hạn chế những tác động phá hoại đến công trình đường cao tốc xây dựng trong vùng có khí hậu khắc nghiệt như cao nguyên Thanh Tạng, việc thiết kế nền đường cần quán triệt

nguyên tắc lựa chọn vật liệu thích hợp với điều kiện địa phương, đồng thời cần nghiên cứu kỹ yêu cầu và tình trạng sử dụng của nền đường, điều tiết nhịp nhàng giữa tuyến đường, kết cấu mặt đường và cầu... Thiết kế cao độ của nền đường chủ yếu là kiểm soát cao độ của cầu, các giao cắt và cao độ tối thiểu của nền đường. Cần chú trọng các công trình tiêu, thoát nước của toàn tuyến đường, đảm bảo cho nền đường tiêu thoát nước nhanh để hạn chế các nguyên nhân gây sụt lún.

Do quá trình thi công đường cao tốc ở môi trường cao nguyên tương đối phức tạp nên phương pháp và phương thức thi công có ảnh hưởng không nhỏ đến kết cấu và cấp độ đường sá, do vậy cần tiến một bước nữa trong việc dựa vào các biện pháp thực nghiệm và các dự án hỗ trợ để tiến hành nghiên cứu thi công và quản lý công trình, không ngừng tích lũy tài liệu và tổng kết kinh nghiệm, khoa học hợp lý để đưa ra những kỹ thuật nâng cấp có thể thực hiện được, để việc xây dựng đường sá trên vùng cao nguyên có thể đạt tới kỹ thuật cơ bản nhất.

**Lý Khánh Hoa - Tưởng Cương Lượng**

*Nguồn: Tạp chí XD đô thị và nông thôn,  
số 8/2014*

**ND: Khánh Ly**

## **Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác ngành Xây dựng năm 2014**

Ngày 16/01/2014 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị trực tuyến tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2014 với các điểm cầu truyền hình tại Hà Nội và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên phạm vi cả nước. Đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì Hội nghị.

Theo Báo cáo của Bộ Xây dựng do Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng trình bày tại Hội nghị, ngành Xây dựng bước vào thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 trong bối cảnh: Tình hình thế giới diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn so với dự báo; trong nước kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi nhưng môi trường kinh doanh và năng suất, hiệu quả của nền kinh tế còn thấp; chất lượng, hiệu quả, năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh của Ngành và của một số sản phẩm chủ yếu còn hạn chế; các doanh nghiệp ngành Xây dựng vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển.

Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm 2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch, phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014; nghiêm túc triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp được nêu trong Nghị quyết liên quan đến các lĩnh vực của Ngành. Trong đó, Bộ Xây dựng đã tập trung cao độ hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính; đổi mới và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch xây dựng; tăng cường quản lý đầu tư xây dựng và kiểm soát phát triển đô thị; tiếp tục thực hiện đồng bộ, kiên định các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát



*Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu kết luận Hội nghị*

triển nhà ở quốc gia; tái cơ cấu các doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên chức, lao động và cộng đồng doanh nghiệp toàn Ngành; sự chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ có hiệu quả của các Bộ, Ban, Ngành và các địa phương, ngành Xây dựng đã đạt được những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực được phân công quản lý, đóng góp thiết thực cho sự tăng trưởng chung của cả nước.

Năm 2014, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của ngành Xây dựng vẫn duy trì được sự tăng trưởng theo kế hoạch đề ra, góp phần vào những chuyển biến tích cực của nền kinh tế đất nước: Giá trị sản xuất ngành Xây dựng năm 2014 theo giá hiện hành đạt 840.000 tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2013; Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 34,5% , tăng 1,03% so với năm 2013; Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung xây dựng đô thị đạt 100%; Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 80%; Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải tại đô thị đạt 84%; Diện tích nhà ở bình quân đạt khoảng 20,6 m<sup>2</sup> sàn/ người (tăng 1 m<sup>2</sup> so với 2013); cả nước có khoảng 1,8 triệu m<sup>2</sup>



Toàn cảnh Hội nghị

nhà ở xã hội; Tổng sản lượng xi măng tiêu thụ khoảng 70,6 triệu tấn, đạt 110,3% kế hoạch, tăng 15% so với năm 2013.

Tập trung cao độ cho công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý nhà nước ngành Xây dựng, năm 2014 Bộ Xây dựng đã hoàn thiện để trình Quốc hội thông qua 03 dự án Luật quan trọng, bao gồm: Luật Xây dựng (sửa đổi), Luật Nhà ở (sửa đổi), Luật Kinh doanh Bất động sản (sửa đổi) với những quan điểm, tư tưởng đổi mới căn bản, mang tính đột phá. Ngoài ra, Bộ Xây dựng cũng hoàn thiện trình Chính phủ 19 dự án, đề án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và ban hành 21 Thông tư (trong đó có 03 Thông tư liên tịch) về các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Xây dựng.

Các cơ chế, chính sách mới ban hành với những quan điểm, tư tưởng đổi mới đã được các cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân và xã hội đồng tình, ủng hộ và đánh giá cao, từng bước đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả. Công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính được Bộ hết sức quan tâm và thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật mà Bộ tham mưu trình các cấp thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

Đồng thời với việc hoàn thiện hệ thống thể chế, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng, trọng tâm là quản lý chất lượng công trình và quản lý chi phí xây dựng theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Theo

báo cáo của 61 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong năm 2014 đã thực hiện thẩm tra 15.341 công trình, tỷ lệ hồ sơ thiết kế phải sửa đổi, bổ sung chiếm khoảng 43,8% tổng số hồ sơ được thẩm tra, tổng giá trị dự toán cắt giảm sau thẩm tra là 5.833 tỷ đồng/tổng giá trị dự toán trước thẩm tra 108.240 tỷ đồng (tương đương 5,39%). Qua kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác đối với 6.545 công trình, thì có 97% số công trình đạt yêu cầu, đủ điều kiện đưa vào sử dụng, còn lại khoảng 3% công trình được các cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu sửa chữa, bổ sung, khắc phục các khiếm khuyết trước khi đưa vào vận hành.

Công tác lập quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn năm 2014 cũng được Bộ Xây dựng quan tâm chỉ đạo thực hiện và có nhiều đổi mới; công tác quản lý, kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và có kế hoạch đã chuyển biến tích cực, từng bước đảm bảo sự phát triển đô thị hài hòa, bền vững. Tính đến tháng 12/2014, cả nước có 774 đô thị (tăng 04 đô thị so với năm 2013), trong đó có 02 đô thị đặc biệt, 15 đô thị loại I, 21 đô thị loại II, 42 đô thị loại III, 67 đô thị loại IV và 627 đô thị loại V. Các chỉ tiêu về tỷ lệ đô thị hóa, hạ tầng kỹ thuật đô thị đều có chuyển biến tích cực.

Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ các địa phương xây dựng Chương trình phát triển nhà ở của địa phương. Đã có 34 tỉnh phê duyệt Chương trình, 06 tỉnh đã hoàn thành xây dựng Chương trình, 23 địa phương đang triển khai xây dựng Chương trình, dự kiến hoàn thành trong năm 2015.

Bộ Xây dựng cũng tiếp tục chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện các Chương trình nhà ở của Chính phủ như Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng; Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn II; Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh lũ lụt khu vực miền Trung...



Về phát triển nhà ở xã hội, đến nay cả nước đã hoàn thành đầu tư xây dựng 102 dự án nhà ở xã hội, trong đó có 38 dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp (19.686 căn hộ); 64 dự án nhà ở cho công nhân (20.277 căn hộ). Hiện nay đang tiếp tục triển khai 150 dự án, trong đó có 91 dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp (55.830 căn hộ), 59 dự án nhà ở công nhân (66.753 căn hộ). Chương trình phát triển nhà ở sinh viên đã có 75 dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng, giải quyết chỗ ở cho khoảng 145.000 sinh viên.

Năm 2014, tổng diện tích sàn nhà ở toàn quốc tăng thêm 92 triệu m<sup>2</sup> so với năm 2013, cả nước đã phát triển thêm khoảng 0,8 triệu m<sup>2</sup> nhà ở xã hội (tương đương 12.000 căn hộ) đưa tổng diện tích nhà ở xã hội toàn quốc đạt 1,8 triệu m<sup>2</sup>.

Bộ Xây dựng đã tích cực chủ động đề xuất, tập trung cùng các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đặc biệt là phát triển nhà ở xã hội và đã đạt được những kết quả quan trọng: Thị trường bất động sản từng bước phục hồi trở lại, tồn kho bất động sản giảm, cơ cấu hàng hóa bất động sản được điều chỉnh theo hướng tích cực, chú trọng phát triển loại nhà ở phân khúc trung bình, sát với nhu cầu thực tế và thu nhập của người dân.

Năm 2014, Bộ Xây dựng đã rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu; chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương tổ chức lập và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các quy hoạch, chương trình phát triển vật liệu xây dựng.

Bên cạnh những mặt tích cực, những thành tựu đã đạt được trong năm 2014, Báo cáo của Bộ Xây dựng cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế cần nhanh chóng khắc phục, đồng thời đề ra 12 nhiệm vụ trọng tâm của Ngành trong năm 2015.

Thảo luận về Báo cáo của Bộ Xây dựng tại Hội nghị, đại diện các Hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và các địa phương ở các điểm cầu đã phát biểu nhiều ý kiến đóng góp cũng như đề xuất những kiến nghị với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành Trung ương để nghiên cứu giải quyết.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng ghi nhận những ý kiến đóng góp cũng như những kiến nghị của các địa phương, các Hội nghề nghiệp và doanh nghiệp.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, nhiệm vụ của ngành Xây dựng trong năm 2015 và những năm tiếp theo còn rất nặng nề. Đó là những việc như: Hoàn thiện hệ thống thể chế pháp luật trong các lĩnh vực thuộc ngành Xây dựng; nâng cao năng lực quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành; quản lý và nâng cao chất lượng công trình xây dựng; quản lý phát triển đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản; tập trung cải cách hành chính và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước...

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tin tưởng, với những kết quả quan trọng đã đạt được trong năm 2014, được sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ của Chính phủ và các Bộ, Ban, ngành Trung ương và sự vào cuộc của các địa phương, nhất định ngành Xây dựng sẽ vượt qua mọi thách thức để hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của toàn Ngành trong năm 2015.

**Minh Tuấn**

## **Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổng kết công tác năm 2014 và triển khai nhiệm vụ năm 2015**

Ngày 21/01/2015 tại Hà Nội, Công đoàn Xây dựng Việt Nam (CĐXDVN) đã tổ chức Hội

nghị Tổng kết công tác năm 2014 và triển khai nhiệm vụ năm 2015. Bộ trưởng Bộ Xây dựng



Trịnh Đình Dũng và Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (LĐVN) Đặng Ngọc Tùng đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Tại Hội nghị, thay mặt Ban Chấp hành CĐXDVN, đồng chí Nguyễn Thị Thủy Lệ - Phó Chủ tịch Thường trực đã đọc Báo cáo kết quả công tác công đoàn năm 2014 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2015 của CĐXDVN.

Theo Báo cáo, năm 2014 ngành Xây dựng bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi nhưng môi trường kinh doanh và năng suất, hiệu quả của nền kinh tế còn thấp; chất lượng, hiệu quả, năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh của Ngành và của một số sản phẩm chủ yếu còn hạn chế, các doanh nghiệp trong Ngành vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển. Một số doanh nghiệp vẫn còn nợ lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, tiến độ tái cơ cấu, sắp xếp doanh nghiệp tại một số đơn vị trong Ngành thực hiện chưa đúng tiến độ đề ra. Những khó khăn trên đã gây ảnh hưởng lớn đến việc làm, đời sống, tinh thần, giải quyết chế độ, chính sách cho công nhân viên chức lao động ngành Xây dựng và hoạt động của tổ chức công đoàn. Song với tinh thần đoàn kết, quyết tâm và nỗ lực phấn đấu của đội ngũ công nhân viên chức lao động, sự quan tâm chăm lo và phối hợp thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động của các cấp công đoàn là động lực mạnh mẽ thúc đẩy các phong trào thi đua yêu nước công nhân viên chức lao động, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả, góp phần quan trọng vào thành tích của từng đơn vị và thành tích chung của Ngành, của đất nước.

Trong năm 2014, CĐXDVN tiếp tục chỉ đạo các công đoàn trực thuộc phối hợp với chuyên môn đồng cấp triển khai các dự án nhà ở xã hội đảm bảo chất lượng, tiến độ góp phần thực hiện chương trình phối hợp hành động triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia đến



*Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị*

năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; chỉ đạo các cấp công đoàn phối hợp thực hiện tốt Quy chế dân chủ theo quy định tại Nghị định 60/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013; Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội CĐXDVN XII và Nghị quyết Đại Hội CĐVN lần thứ XI; tổ chức tuyên truyền kỷ niệm 84 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước, ngày Quốc tế lao động, 60 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ; lồng ghép tuyên truyền về các cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và cuộc đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch...

Trong năm 2015, CĐXDVN tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội CĐXDVN XII và Nghị quyết Đại Hội CĐVN lần thứ XI, Điều lệ CĐVN; Quan tâm, chăm lo đời sống, việc làm, thu nhập của đoàn viên và người lao động, đặc biệt công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, làm việc tại các công trường vùng sâu, vùng xa. Trước mắt sẽ quan tâm giải quyết dứt điểm tiền lương, tiền thưởng cho người lao động trong dịp Tết Ất Mùi năm 2015; Tăng cường phối hợp kiểm tra thực hiện pháp luật lao động, Luật Công đoàn và các chế độ, chính sách đối với người lao động; Phối hợp với Bộ Xây dựng, Tổng Liên đoàn LĐVN chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia An toàn Vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ lần thứ XVII; tiếp tục vận động đoàn viên và người lao



*Công đoàn XDVN đón nhận Bằng Khen của Tổng Liên đoàn LĐVN*

động tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, ủng hộ các quỹ ngành Xây dựng, thực hiện tốt cuộc vận động hỗ trợ xây dựng “Mái ấm công đoàn”...

Với những thành tích đạt được, năm 2014, CĐXDVN đã được Đảng, Nhà nước, Tổng Liên đoàn biểu dương và khen thưởng Huân chương Lao Động hạng Ba cho 01 cá nhân, tặng cờ thi đua của Tổng Liên đoàn LĐVN cho CĐXDVN và trao tặng các quyết định khen thưởng cho các tập thể và cá nhân xuất sắc trong hoạt động Công đoàn và phong trào công nhân viên chức trong năm 2014.

Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN Đặng Ngọc Tùng đã ghi nhận những kết quả mà CĐXDVN đạt được trong năm qua, đặc biệt là những kết quả thực hiện 4 chương trình theo Nghị quyết Đại hội CĐXDVN lần thứ XII. Chủ tịch Đặng Ngọc Tùng cũng nhấn mạnh, thực trạng 71 đơn vị nợ lương, với tổng số 351 tỷ đồng, CĐXDVN đã xin chủ trương trợ cấp cho các đối tượng khó khăn trong toàn ngành vào dịp Tết Nguyên đán. Tổng Liên đoàn LĐVN cũng thống nhất và đồng tình với việc làm tình nghĩa này, đồng thời đánh giá cao hoạt động tổ chức hội nghị người lao động và thương lượng ký kết thỏa ước lao động tập thể (đạt tới 96%), thậm chí có hai nội dung kết quả cao hơn so với quy định. Chủ tịch Đặng Ngọc Tùng cũng biểu dương những phong trào thi đua mà ngành Xây dựng đã tổ chức được trên nhiều công trình trọng điểm góp



*Toàn cảnh Hội nghị*

phần hoàn thành nhiều công trình vượt tiến độ. Qua đó đã lựa chọn ra nhiều hạt nhân tiêu biểu, giới thiệu cho tổ chức Đảng. Đây cũng là điểm mạnh cần được phát huy trong thời gian tới. Trong năm 2015, CĐXDVN cần tiếp tục bám sát vào chương trình hành động xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định; tổ chức nhiều phong trào thi đua để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Phát biểu tại Hội nghị, thay mặt Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng chúc mừng những thành tích CĐXDVN đã đạt được trong năm 2014. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thử thách, nhưng với sự điều hành của Chính phủ, nền kinh tế nước ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, đặc biệt là đạt được mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Trong kết quả chung đó có sự đóng góp không nhỏ của ngành Xây dựng, của tập thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Xây dựng. Với vai trò là tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho người lao động, hoạt động của các cấp công đoàn trong ngành xây dựng đã từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động tập trung hướng về cơ sở. Các cấp công đoàn đã thực hiện tốt chức năng của mình, giải quyết nhiều vấn đề bức xúc, cấp bách như việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động, từng bước xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.

Các tổ chức công đoàn ngành Xây dựng đã tham gia có hiệu quả trong việc xây dựng cơ chế chính sách. Phát động rộng khắp các phong trào thi đua có sức lan tỏa, thu hút đông đảo đoàn viên tham gia, góp phần hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đặc biệt là trên các công trình trọng điểm, riêng năm 2014, giá trị xây lắp, đầu tư của toàn ngành đã đóng góp cho hệ thống hạ tầng của nền kinh tế, đem lại nhiều thành tựu nổi bật.

Việc đóng góp của cán bộ công nhân viên chức lao động ngành xây dựng đã đưa việc triển khai Luật Xây dựng đi vào thực tiễn; tạo lập nhiều sản phẩm của ngành xây dựng, đặc biệt là nhà ở xã hội có ý nghĩa nổi bật; đại diện cho sự phát triển của xã hội giai đoạn phát triển với sự hỗ trợ của Nhà nước. Bộ trưởng đề nghị, CĐXDVN tiếp tục bám sát nhiệm vụ chính trị của Ngành để xây dựng kế hoạch, giải pháp

thực hiện nhiệm vụ công đoàn gắn với kế hoạch của ngành Xây dựng trong năm 2015 và những năm tiếp theo. Khó khăn thách thức còn nhiều, nhưng CĐXDVN cần bám sát nhiệm vụ, đặc biệt là phát triển nhà ở xã hội cho công nhân; cần tiếp tục nâng cao chất lượng cán bộ công đoàn, đẩy mạnh các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiến; nâng cao đời sống người lao động, quan tâm tới công tác xã hội, từ thiện.

Chủ tịch CĐXDVN Nguyễn Văn Bình tiếp thu các ý kiến chỉ đạo và hứa sẽ áp dụng vào thực tiễn, sẽ cố gắng phát huy truyền thống vẻ vang của ngành Xây dựng, Chủ tịch Nguyễn Văn Bình cũng mong muốn trong thời gian tới sẽ tiếp tục nhận được sự chỉ đạo, để CĐXDVN phát triển hơn nữa.

Bích Ngọc

## **Hội nghị Tổng kết công tác năm 2014 và triển khai nhiệm vụ năm 2015 của Viện Kinh tế xây dựng**

Ngày 23/01/2015, Viện Kinh tế xây dựng (Bộ Xây dựng) đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác năm 2014 và triển khai nhiệm vụ năm 2015. Tham dự Hội nghị có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh, lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện có liên quan của Bộ Xây dựng và các cán bộ, viên chức của Viện Kinh tế xây dựng.

Báo cáo kết quả công tác năm 2014 tại Hội nghị, Viện trưởng Viện Kinh tế xây dựng Trần Hồng Mai cho biết, năm 2014 là năm trọng tâm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2010 - 2020 và Kế hoạch 5 năm 2010 - 2015 của Viện Kinh tế xây dựng. Được sự quan tâm và chỉ đạo thường xuyên của Lãnh đạo Bộ Xây dựng, sự phối hợp chặt chẽ với các Cục, Vụ chức năng và sự hợp tác với các đơn vị khác thuộc Bộ và ngoài Bộ, Viện Kinh tế xây dựng đã phát huy tính chủ động, sáng tạo tìm các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành tốt một khối lượng lớn các nhiệm vụ được giao trong



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu chỉ đạo Hội nghị

các lĩnh vực nghiên cứu cơ chế, chính sách phục vụ quản lý nhà nước, các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, hoạt động tư vấn khoa học kinh tế xây dựng và các hoạt động khác. Năm 2014, Viện Kinh tế xây dựng đã phối hợp với các Cục, Vụ của Bộ tham gia soạn thảo Luật Xây dựng, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản; soạn thảo các Nghị định như "Nghị định về





Viện trưởng Trần Hồng Mai trình bày Báo cáo Tổng kết năm 2014

Quản lý chi phí đầu tư xây dựng”, “Nghị định về Quản lý và lưu trữ thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản”; hoàn thành soạn thảo báo cáo Bộ 05 Thông tư hướng dẫn, 11 Quyết định công bố về hệ thống chỉ tiêu, định mức kinh tế - kỹ thuật với 1513 định mức và 617 chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, thị trường bất động sản; soạn thảo các văn bản báo cáo Bộ thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước; tổ chức các cuộc họp với Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội và các đơn vị chức năng thuộc Bộ Xây dựng về Phương án tiền lương cơ sở đầu vào để tính chi phí nhân công trong đơn giá, dự toán chi phí đầu tư xây dựng công trình và dịch vụ công ích đô thị làm cơ sở để hai Bộ thống nhất soạn thảo Thông tư hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng và dịch vụ công ích đô thị. Viện và Phân viện Kinh tế xây dựng miền Nam đã hướng dẫn, giúp đỡ Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố miền Trung và Nam Bộ lập định mức dự toán, xây dựng hệ thống đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng cho các loại công trình tại địa phương từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2014 phục vụ cho việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Ngoài ra, Viện cũng đã hoàn thành nhiều đề tài khoa học công nghệ và dự án sự nghiệp kinh tế (tổ chức nghiệm thu cấp Bộ 5 dự án sự nghiệp kinh tế và 1 đề tài khoa học công nghệ, tổ chức nghiệm thu cấp



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh trao cờ thi đua khen thưởng cho lãnh đạo Viện KTXD

ơ sở 4 dự án sự nghiệp kinh tế và 3 đề tài khoa học công nghệ). Viện và Phân viện cũng đã tổ chức và phối hợp với Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, một số công ty tư vấn, các doanh nghiệp và tập đoàn kinh tế tổ chức 08 khóa bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, đấu thầu, định giá xây dựng và đã cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ theo quy định cho khoảng 360 học viên. Viện cũng luôn chú trọng phát triển công tác thông tin, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và đẩy mạnh các công tác khác như công tác nữ công, công đoàn và đoàn thanh niên.

Về chương trình kế hoạch công tác năm 2015, Viện Kinh tế xây dựng sẽ tiếp tục triển khai việc nghiên cứu cơ chế chính sách và hệ thống công cụ, chỉ tiêu, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước, cụ thể là các Nghị định và Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản; tổ chức nghiên cứu, soạn thảo các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị; triển khai nghiên cứu về hệ thống cấp, bậc công nhân, thang bảng lương phù hợp với đặc thù riêng biệt của sản xuất và sản phẩm xây dựng theo quy định của Luật Lao động 2012. Năm 2015, Viện cũng sẽ tiếp tục triển khai thực hiện công tác nghiên cứu khoa học phục vụ quản lý nhà nước của Bộ và đẩy mạnh các công tác khác.

Với những thành tích đã đạt được trong năm 2014, Viện Kinh tế xây dựng đã vinh dự đứng

đầu danh sách các đơn vị được nhận cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ.

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đã thay mặt Lãnh đạo Bộ Xây dựng biểu dương, khen ngợi những thành tích đã đạt được của Viện Kinh tế xây dựng. Trong năm qua, Viện đã tích cực cùng với các đơn vị của Bộ tham gia soạn thảo Luật Xây dựng, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản - là 3 bộ luật lớn và chủ đạo của Bộ Xây dựng trong năm 2014. Viện cũng đã chủ trì soạn thảo các Nghị định, trình Bộ 5 Thông tư và 11 Quyết định, đồng thời rà soát, công bố trên 2 nghìn định mức kỹ thuật và thực hiện các nhiệm vụ khác mà lãnh đạo Bộ giao cho.

Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh cho biết, nhiệm vụ năm 2015 của Viện Kinh tế xây dựng là rất lớn, do đó Viện cần tập trung vào các nhiệm vụ sau: Thứ nhất, ưu tiên việc nghiên cứu xây

dựng các cơ chế chính sách về kinh tế thị trường trong lĩnh vực xây dựng, tập trung vào các vấn đề như quản lý đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng, phát triển nhà ở và thị trường bất động sản. Thứ hai, cần hoàn thành công tác rà soát, cập nhật các định mức kinh tế kỹ thuật của ngành để phù hợp với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, công nghệ, năng suất lao động và thực tiễn năng suất kinh doanh. Thứ ba, Viện cần hết sức quan tâm chăm lo phát triển lực lượng cán bộ nghiên cứu về cơ chế chính sách có kinh nghiệm, có thực tiễn và trí tuệ để phục vụ cho sự phát triển của Viện. Thứ tư, Viện cần đổi mới công tác quản trị tại đơn vị sự nghiệp, thực hiện tốt cơ chế tự chủ theo Nghị định 115.

**Kim Nhật**

## **Hội thảo báo cáo thực hiện tiết kiệm nước theo cơ chế tín chỉ chung**

Ngày 26/01/2015 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng phối hợp với Hội đồng nước Châu Á, Viện nghiên cứu Nước và Cuộc sống, Hội Cấp thoát nước Việt Nam, Trung tâm Tiết kiệm năng lượng thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo Báo cáo thực hiện tiết kiệm nước theo cơ chế tín chỉ chung (JCM). Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường Bộ Xây dựng - TS. Nguyễn Trung Hòa chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có Phó chủ tịch Hội Cấp thoát nước Việt Nam Ứng Quốc Dũng; Giám đốc Trung tâm Tiết kiệm năng lượng thành phố Hồ Chí Minh Huỳnh Kim Tước; Nguyên Thứ trưởng Bộ Môi trường Nhật Bản Kobayashi, Thư ký Hội đồng Nước Châu Á Saburo Murakawa; Giám đốc Viện nghiên cứu Nước và Cuộc sống Yasutoshi Shimizu, cùng đại diện các Bộ, Ngành, Hội, Hiệp hội, Viện nghiên cứu, trung tâm, các trường đại học, cao đẳng và các tòa nhà, khách sạn, khu đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.



*TS. Nguyễn Trung Hòa phát biểu khai mạc Hội thảo*

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe giới thiệu về sự phát triển gần đây của cơ chế JCM, tóm tắt kết quả giai đoạn chuẩn bị dự án năm 2014, dự án tiết kiệm nước cho các tòa nhà đang hoạt động, dự án tiết kiệm nước cho các tòa nhà mới và khu đô thị mới, kế hoạch dự án năm 2015, kinh nghiệm chống ô nhiễm của Nhật Bản, tầm quan trọng của tiết kiệm nước đối với sự phát triển xã hội ở Việt Nam cùng các hoạt động sắp tới.





Toàn cảnh Hội thảo

Thực hiện tiết kiệm nước theo cơ chế JCM là nhằm đẩy mạnh việc phổ cập các công nghệ, sản phẩm, hệ thống, dịch vụ, cơ sở hạ tầng tiên tiến về giảm khí thải nhà kính cho các nước đang phát triển, thúc đẩy các nước đang phát triển phát triển bền vững, đồng thời, bổ sung hoàn thiện dự án CDM, thực hiện các mục tiêu cuối cùng trong Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu nhờ việc thúc đẩy các hành động giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính trên quy mô toàn cầu.

Từ năm 2011, Nhật Bản đã tiến hành hội nghị tham vấn về JCM với các nước đang phát triển và đã ký kết văn bản song phương về JCM với các nước Mông Cổ, Băng La Đét, Eetiopia, Keenia, Mandivơ, Việt Nam, Lào, Indonesia, Costarica, Palau, Campuchia, Mê xi cô. Bên cạnh đó cũng đã thành lập Ủy Ban hỗ trợ với các nước Mông Cổ, Băng La Đét, Eetiopia, Keenia, Mandivơ, Việt Nam, Indonesia, Palau.

Được biết, dự án JCM vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu, thí điểm, dự kiến đến năm

2016 sẽ bắt đầu thực hiện. Hi vọng rằng sau khi triển khai, cơ chế JCM sẽ góp phần tích cực trong hoạt động xây dựng tăng trưởng xanh của Việt Nam, từng bước hình thành các đô thị thân thiện với trái đất và con người, mang lại lợi ích thiết thực cho các doanh nghiệp và xã hội, đồng thời, sẽ là cơ hội thuận lợi góp phần tích cực thúc đẩy mối quan hệ hợp tác song phương giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Nhật Bản phát triển ngày càng sâu rộng.

Phát biểu tại Hội thảo, TS. Nguyễn Trung Hòa cho biết vấn đề tiết kiệm nước đặt ra đã lâu, tuy nhiên các hoạt động về tiết kiệm nước chưa đạt được hiệu quả mong muốn, cho nên chúng ta cần học hỏi thêm các kinh nghiệm và công nghệ tiết kiệm nước tiên tiến, việc tiết kiệm nước không chỉ góp phần tiết kiệm năng lượng, bảo vệ tài nguyên, mà nó còn có ý nghĩa hết sức to lớn đối với việc bảo vệ môi trường. Trong khuôn khổ dự án này, chúng ta có cơ hội tiếp cận công nghệ, cách thức thực hiện tiết kiệm nước thông qua cơ chế JCM, trong khi các dự án CDM đang tồn tại nhiều vướng mắc, có thể nói cơ chế JCM đã mở ra cơ hội tốt cho các doanh nghiệp, chủ đầu tư trong việc thực hiện tiết kiệm nước trong các công trình xây dựng. Cụ thể là Trung tâm Tiết kiệm năng lượng Hồ Chí Minh đã được giao nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện dự án, qua đó chúng ta có thể tiếp cận và đánh giá một cách chính xác hiệu quả tiết kiệm nước trong các công trình xây dựng của cơ chế này.

**Hoàng Đại Hải**

## **Trung Quốc: Đô thị hóa kiểu mới cần được phát triển khoa học**

Nhà kinh tế học người Mỹ Stiglitz, người nhận giải Nobel kinh tế đã nhận định “đô thị hóa của Trung Quốc” và “khoa học kỹ thuật cao của Mỹ” sẽ có ảnh hưởng sâu sắc tới tiến trình phát triển của loài người thế kỷ XXI, đồng thời cho

rằng đô thị hóa là thách thức lớn đầu tiên của thế kỷ mới đối với Trung Quốc. Cho đến thời điểm hiện tại, dự báo của Stiglitz rất phù hợp thực tế.

Đô thị hóa là tiêu chí quan trọng để đánh giá

quá trình hiện đại hóa, là giai đoạn tất yếu trong tiến trình công nghiệp hóa của các nước trên thế giới, là quá trình biến đổi từ xã hội nông nghiệp truyền thống với dân số nông nghiệp chiếm đa số sang xã hội văn minh hiện đại với dân số phi nông nghiệp chiếm đa số. Từ năm 2000 trở lại đây, sự phát triển đô thị hóa của Trung Quốc là sự phát triển lớn và lâu dài so với trước đây, tỷ lệ đô thị hóa bình quân hàng năm tăng 1,36%. Tính đến cuối năm 2011, dân số đô thị Trung Quốc đã vượt trên dân số nông thôn, thực hiện được sự chuyển biến từ xã hội nông thôn sang xã hội đô thị. Sự phát triển của đô thị hóa Trung Quốc bước vào thời kỳ lịch sử quan trọng.

Theo dự tính, tới cuối năm 2020, lượng dân số nông nghiệp chuyển dịch tới các đô thị sẽ đạt 320 triệu người. Cùng với sự “tiến quân” ngày càng nhiều của dân số nông nghiệp tới các thành phố và thị trấn, làm sao để những người nông dân chuyển biến thành các thị dân một cách thỏa đáng là một vấn đề hết sức quan trọng trong sự phát triển của xã hội Trung Quốc hiện nay.

## **1. Đô thị hóa kiểu mới phải tuân theo quy luật kinh tế**

Phương hướng và tốc độ phát triển đô thị hóa của một khu vực được quyết định lớn bởi sự nhận thức và lý giải của Chính quyền địa phương đối với sự phát triển tự thân của khu vực. Mỗi địa phương sẽ có những đặc điểm riêng, do đó không thể xuất hiện một đáp án chung cho tất cả.

Từ cái cách mở cửa trở lại đây, quyền chỉ đạo phát triển đô thị hóa tại Trung Quốc luôn nằm trong tay chính quyền địa phương. Do việc đánh giá hiệu quả trách nhiệm của Chính phủ thường vẫn nhấn mạnh vào chỉ tiêu kinh tế, cho nên một số Chính quyền địa phương vẫn rất dễ dàng xuất phát từ lợi ích tự thân, hướng phát triển đô thị hóa sang GDP. Để theo đuổi GDP, các tòa nhà cao tầng tại đô thị ngày càng nhiều, quy mô ngày càng lớn, tuy nhiên nguồn kinh phí

cho thị dân hóa cũng càng ngày càng nhiều. Đô thị hóa đất đai mãi mãi vượt qua đô thị hóa dân số. Kiểu đô thị hóa lấy cái giá là sự giảm đi không ngừng của đất đai nông nghiệp, sự ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng của môi trường sẽ chỉ đem lại những giả tưởng về nền kinh tế phồn vinh ngắn hạn.

Trong bối cảnh thông thường, sự phát triển của một khu vực luôn tuân theo quy luật kinh tế tự nhiên, khu vực có tiềm lực phát triển kinh tế, có khả năng thực hiện tạo dựng sự nghiệp và đổi mới thu thuế, dân số nhất định sẽ ở trong trạng thái tăng trưởng liên tục, quy mô đô thị nhất định sẽ từng bước mở rộng. Từ tăng trưởng dân số tới mở rộng đô thị, đây là kết quả mà thị trường lựa chọn.

Hiện tại, sự phát triển đô thị hóa của Trung Quốc tuy ở mức độ nào đó đã thay đổi quá trình này, tức tiến hành xây dựng đô thị trước rồi tiến hành chuyển dịch dân số, nhưng vẫn cần luôn quan tâm tới mối quan hệ giữa dân số và đất đai. Không thể chỉ có theo đuổi việc xây dựng các tòa nhà, theo đuổi các khu khai thác mà cần quan tâm đất đai rộng bao nhiêu thì nên giải quyết chuyển dịch bao nhiêu dân số. Chỉ có trong hoàn cảnh điều tiết hài hòa giữa đô thị hóa dân số và đô thị hóa đất đai thì mới có thể thực hiện phát triển đô thị hóa mang tính bền vững.

## **2. Mấu chốt của đô thị hóa kiểu mới là đô thị hóa con người**

Khi xem xét vấn đề “đô thị hóa đất đai luôn vượt xa đô thị hóa con người” có thể thấy việc con người xây dựng đô thị quá nhanh là một nhân tố quan trọng, tuy nhiên sự tiến triển chậm chạp trong thị dân hóa dân số nông nghiệp chuyển dịch lại là một vấn đề khác không thể xem thường.

Thị dân hóa dân số nông nghiệp chuyển dịch là chỉ trên cơ sở dân số nông nghiệp chuyển dịch tới đô thị và tìm được một vị trí công việc, thực hiện thay đổi nghề nghiệp, cuối cùng có được thân phận cư trú lâu dài tại đô thị, công bằng và bình đẳng hưởng các dịch vụ công

cộng và phúc lợi xã hội của người dân đô thị, tham gia toàn diện vào các hoạt động chính trị, văn hóa và xã hội.

Hiện tại, thị dân hóa dân số nông nghiệp chuyển dịch tại Trung Quốc phải đối mặt với nhiều thách thức trên nhiều phương diện, trong đó, xây dựng văn minh tinh thần trong cải cách hộ tịch và thị dân hóa là hai phương diện quan trọng nhất.

Tỷ lệ đô thị hóa của Trung Quốc hiện nay khoảng 52%, tương đương với mức bình quân của thế giới, tuy nhiên, tỷ lệ đô thị hóa dân số hộ tịch chỉ khoảng 35%. Nói một cách nghiêm túc, những phúc lợi dưới chế độ hộ tịch thực sự xác định thực hiện tới 35% dân số này, còn những nông dân vào thành phố thì rất khó có thể có được. Theo các tài liệu cho thấy, các thành phố và thị trấn của Trung Quốc có trên 200 triệu lao động nông thôn cùng các thân nhân của họ, trong đó chỉ có hơn 2 triệu người có được hộ khẩu thành thị nhờ việc mua nhà, kết hôn... Như vậy có thể thấy, tỷ lệ đô thị hóa thực tế của Trung Quốc còn tụt hậu so với mức độ bình quân của thế giới.

Trong tình hình này, ngày 31/01/2013, Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra “Các ý kiến liên quan tới đẩy nhanh phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, từng bước tăng cường phát triển nông thôn”. Văn kiện yêu cầu, từng bước thúc đẩy thị dân hóa dân số nông nghiệp chuyển dịch. Có thể thấy rằng, tư tưởng trong quá trình thúc đẩy đô thị hóa hộ tịch tại Trung Quốc hết sức rõ ràng. Tại các đô thị vừa và nhỏ, các thành phố và thị trấn nhỏ đã nới lỏng chính sách nhập cư, kích lệ dân số nông nghiệp chuyển dịch nhập cư. Đối với các đô thị lớn hoặc các siêu đô thị, do chịu áp lực lớn về tài nguyên và dân số, tuy tạm thời chưa nới lỏng những hạn chế về hộ tịch nhưng đặc biệt nhấn mạnh sự bảo đảm đối với quyền lợi cơ bản của dân số thường trú và các dịch vụ công cộng cơ bản.

Nông dân biến thành thị dân hoàn toàn không thể hiện được sự hoàn thành trong đô thị

hóa dân số. Người nông dân sau khi vào thành phố tuy thân phận họ đã có sự biến đổi, xong tố chất tự thân họ chưa chắc đã theo kịp với người dân đô thị. Vì vậy, việc nâng cao tố chất tổng hợp của người nông dân trở nên hết sức quan trọng. Để người nông dân ở thành phố trở thành người thành phố, không thể chỉ dừng ở việc cải thiện về mặt vật chất mà cần phải nỗ lực xây dựng văn minh tinh thần, đồng thời kết hợp hữu cơ với văn minh vật chất, như vậy mới có thể thúc đẩy phát triển ổn định và lâu dài cho công cuộc xây dựng đô thị hóa.

### **3. Đô thị hóa kiểu mới phải dựa vào sự hỗ trợ của các ngành công nghiệp**

Cùng với sự đẩy nhanh trong tiến trình đô thị hóa tại Trung Quốc, có ý kiến cho rằng, điều cốt lõi để giải quyết vấn đề người nông dân vào thành phố trong tương lai vẫn là giải quyết vấn đề phát triển các ngành công nghiệp để có thể mang tới cơ hội việc làm cho người nông dân, nếu không đô thị hóa sẽ xuất hiện sự đi xuống.

Năm 2000, tỷ lệ đô thị hóa của Brazil đã vượt trên 80%. Một số lượng lớn người nông dân đã mất đi đất đai để sinh tồn. Tuy nhiên, sau khi vào thành phố, những người nông dân này lại không thể tìm được việc làm và đại bộ phận phải sống trong các khu ổ chuột. Rio de Janeiro là một trong những thành phố có số lượng khu ổ chuột lớn nhất Brazil. Có 1/3 trong số 6 triệu dân đô thị sống trong các khu ổ chuột. Đa phần các khu ổ chuột tại Brazil đều xây trên núi, rất nhiều băng đảng chiếm núi xung vương và các khu ổ chuột trong phạm vi thế lực của họ thực sự không nằm trong sự quản lý của Chính phủ. Rất nhiều các vấn đề tiêu cực trong xã hội đã diễn ra tại đây.

Hiện tượng các khu nhà ổ chuột tại Rio de Janeiro là một điển hình cho thất bại trong đô thị hóa, là sự thiếu vắng sự hỗ trợ đầy đủ của nền kinh tế thực thể.

Trở lại với lịch trình đô thị hóa trong hơn 30 năm cải cách mở cửa tại Trung Quốc, hiện tượng “mở rộng mang tính quy mô” mà không

chú trọng sự hỗ trợ của các ngành công nghiệp cũng đã tồn tại và đã đi ngược với quy luật khách quan trong phát triển kinh tế. Sau khi một số lượng lớn dân số nông thôn vào thành phố, các ngành công nghiệp tại các đô thị không đủ để thu hút và giải quyết vấn đề việc làm và sinh tồn của người nông dân.

Đứng trước tình hình này, Trung Quốc cần đưa ra các chính sách hỗ trợ, khích lệ các ngành công nghiệp trưởng thành và có năng lực dẫn dắt mạnh hoạt động tại các đô thị. Những ngành công nghiệp trưởng thành này có thể tạo cơ hội việc làm ổn định cho dân số nông thôn. Người nông dân tiếp nhận sự đào tạo trở thành những người công nhân công nghiệp, có thu nhập ổn định. Thông qua sự hỗ trợ về chính sách, các doanh nghiệp sẽ giảm các chi phí sử dụng đất, giảm chi phí nhân lực nhờ việc tuyển dụng nhân công tại chỗ. Ngoài ra, các đô thị có quy mô khác nhau cần phát huy chức năng khác nhau của mình, tức là Nhà nước và các cấp Chính quyền cần tiến hành quy hoạch và điều tiết kiểm soát nền kinh tế thực thể.

**4. Đô thị hóa phát triển khoa học mới có thể trở thành đầu tàu trong nền kinh tế Trung Quốc**

Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường đã từng nói, đô thị hóa là nhu cầu trong nước lớn nhất của Trung Quốc. Trung Quốc đang trong giai đoạn phát triển đô thị hóa ổn định và bền vững, trong giai đoạn này, sự phát triển của đô thị hóa không ngừng làm mở rộng đầu tư, xúc tiến tiêu thụ, có tác dụng thúc đẩy quan trọng đối với việc mở rộng nhu cầu trong nước. Mặc dù tỷ lệ đô thị hóa của Trung Quốc còn thấp, không những thấp hơn mức bình quân 80% của các nước phát triển mà còn thấp hơn tỷ lệ 60% của một số nước đang phát triển có giai đoạn phát triển tương đương với Trung Quốc. Theo tình hình thực tế, tỷ lệ đô thị hóa của dân số hộ tịch rõ ràng thấp hơn tỷ lệ đô thị hóa của dân số thường trú, vì vậy đây sẽ là một quá trình lâu dài. Ngay cả trong bối cảnh nền kinh tế thế giới suy thoái kéo dài, tiềm lực to lớn của đô thị hóa vẫn có thể hỗ trợ hiệu quả, dài lâu và tạo đà tốt cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc.

**Kiều Ba**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 9/2013*

**ND: Kim Nhạn**

## **Chuyển đổi mô hình đô thị hóa kiểu mới và mô hình quy hoạch đô thị và nông thôn**

Trên tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Trung ương Đảng, Chính phủ Trung Quốc đã thống nhất lựa chọn đô thị hóa kiểu mới là biện pháp chính trong việc thực hiện chuyển đổi phương thức, điều chỉnh kết cấu, đẩy mạnh cải cách và đảm bảo lợi ích dân sinh. Sau Hội nghị công tác đô thị hóa Trung ương năm 2013, đến tháng 3/2014, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành “Quy hoạch đô thị hóa mô hình mới nhà nước” nhằm quán triệt thực hiện chỉ đạo của Trung ương. Tháng 7/2014, tỉnh Hồ Nam - Trung Quốc đã tổ chức Hội nghị toàn tỉnh đẩy mạnh công tác đô thị hóa kiểu mới, sau đó ban

hành “Nghị quyết tỉnh Hồ Nam đẩy mạnh đô thị hóa kiểu mới giai đoạn 2014 - 2020”, đưa ra những mục tiêu mới, hướng đi mới và nhiệm vụ mới trong việc cải cách chuyển đổi mô hình quy hoạch đô thị và nông thôn.

**1. Kết hợp với nét độc đáo của Hồ Nam, từng bước xây dựng mô hình “Một trung tâm sáu trục phát triển”**

Trên cơ sở kết hợp với tinh thần chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Hồ Nam đã xem xét tình hình thực tế của địa phương, đề xuất xây dựng bố cục không gian phát triển đô thị hóa mô hình mới “một trung tâm và sáu trục phát triển” (“Một trung tâm” là quần thể đô thị Trường Chu Đàm

gồm 3 thành phố chính là Trường Sa, Chu Châu và Trương Đàm; “sáu trục” bao gồm: Trục phát triển đô thị thứ nhất với các thành phố Nhạc Dương - Trường Chu Đàm - Hành Dương - Sâm Châu; Trục phát triển đô thị thứ hai với các thành phố Tân Lễ - Thường Đức - Ích Dương - Lâu Để - Thiệu Dương - Vĩnh Châu; Trục phát triển thứ 3 với các thành phố Thạch Môn - Cát Thủ - Hoài Hóa - Thông Đạo; Trục phát triển thứ 4 với các thành phố Chu Châu Đàm - Lâu Để - Thiệu Dương - Hoài Hóa; Trục phát triển thứ 5 với các thành phố Chu Châu Đàm - Ích Dương - Thường Đức - Trương Gia Giới - Long Sơn; Trục phát triển thứ 6 với các thành phố Nhạc Dương - Thường Đức - Cát Thủ), nỗ lực thúc đẩy quần thể đô thị phát triển, xây dựng thành phố trung tâm khu vực lớn mạnh, đẩy mạnh xây dựng thành phố cấp huyện và huyện tự trị phát triển, tích cực phát triển đô thị nhỏ trọng điểm.

Yêu cầu tất cả đều phải thể hiện rõ trong công tác lập và thực hiện quy hoạch hệ thống đô thị, quy hoạch thành phố, quy hoạch huyện tự trị và quy hoạch thị trấn, đồng thời bố trí không gian hợp lý và khoa học.

## **2. Năm vấn đề chính tồn tại trong công tác quy hoạch đô thị và nông thôn**

Cùng với việc đi sâu cải cách toàn diện và thực hiện nguyên tắc “thượng tôn pháp luật”, thể chế kinh tế thị trường không ngừng hoàn thiện và quá trình đô thị hóa kiểu hình, công tác quy hoạch đô thị và nông thôn đang có những cơ hội phát triển, nhưng cũng đồng thời phải đối mặt với nhiều thách thức lớn. Do đó, việc chuyển đổi mô hình phát triển là vấn đề hết sức cấp thiết trong tình hình hiện nay.

Hiện nay, công tác quy hoạch đô thị và nông thôn tồn tại 5 vấn đề chính sau:

- Tư tưởng chỉ đạo công tác quy hoạch đô thị và nông thôn tồn tại sự thiên lệch. Cụ thể là quá chú trọng quy hoạch đô thị mà xem nhẹ quy hoạch nông thôn, quá coi trọng quy hoạch hình thái bên ngoài mà lơ là chất lượng quy hoạch, nặng về quy hoạch khu mới mà xem nhẹ quy hoạch cải tạo khu cũ, xem trọng quy hoạch không gian mặt đất mà xem nhẹ quy hoạch không gian ngầm.

- Công tác quản lý quy hoạch chung tồn tại nhiều thiếu sót. Chu kỳ phê duyệt quy hoạch chung kéo dài, nội dung quy hoạch chung khá rộng và toàn diện, nhưng trọng điểm chưa thực sự nổi bật, hơn nữa tính ràng buộc chưa cao, từ đó làm giảm ý thức chấp hành hoặc dẫn đến việc phải sửa chữa nhiều lần.

- Công tác lập quy hoạch chuyên ngành và quy hoạch chi tiết bắt buộc còn nhiều yếu kém. Công tác lập quy hoạch chuyên ngành, đặc biệt là quy hoạch cơ sở hạ tầng đô thị và hệ thống dịch vụ công cộng trì trệ, dẫn đến việc thực hiện những yêu cầu về xây dựng đồng bộ các hệ thống được đề ra trong quy hoạch tổng thể gặp rất nhiều khó khăn. Một số địa phương xem thường địa vị pháp lý của quy hoạch chi tiết bắt buộc dẫn đến các hiện tượng như không lập hoặc lập nhưng không phê duyệt, quy hoạch không theo kịp dự án.

- Sự phối hợp, hỗ trợ giữa các đơn vị quy hoạch gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là sự phối hợp giữa quy hoạch tổng thể đô thị và quy hoạch tổng thể sử dụng đất.

- Sự thiếu ý thức thực hiện quy hoạch theo quy định pháp luật. Một số địa phương tồn tại hiện tượng coi trọng quy hoạch nhưng không tôn trọng quy hoạch, lợi dụng hoạt động điều chỉnh quy hoạch để mở rộng quy mô sử dụng đất xây dựng, thực hiện các biện pháp chỉ để tăng thu nhập từ việc cho thuê đất, thậm chí còn có những hành vi xâm hại đến lợi ích công cộng và đe dọa đến an toàn công đồng. Việc xác định mối quan hệ giữa quy hoạch và thị trường, quy hoạch và chính quyền, phát huy vai trò điều tiết chung của quy hoạch đô thị và nông thôn đối với công tác xây dựng và quản lý không gian đô thị và nông thôn đang là trọng điểm đẩy mạnh cải cách và đổi mới quy hoạch đô thị và nông thôn trong giai đoạn tới.

## **3. Đẩy mạnh chuyển đổi quan niệm về quy hoạch đô thị và nông thôn**

Việc đẩy mạnh chuyển đổi mô hình quy hoạch đô thị và nông thôn cần xây dựng nội dung quy hoạch phong phú. Từ quy hoạch không gian vật chất đơn lẻ chuyển sang quy hoạch không gian xã hội liên quan đến các lĩnh



vực như phát triển kinh tế, môi trường sinh thái, chính sách công cộng..., tiếp tục làm rõ vai trò và vị thế của quy hoạch đô thị và nông thôn trong quản lý xã hội, điều chỉnh và hoàn thiện nội dung các cấp quy hoạch đô thị và nông thôn, tăng cường vai trò điều phối với các hoạt động quản lý công cộng.

Cần căn cứ vào yêu cầu về quy hoạch không gian sản xuất hiệu quả cao, không gian sinh hoạt thân thiện và không gian sinh thái, tối ưu hóa tài nguyên và bố cục không gian đô thị và nông thôn, xác định hợp lý phạm vi bảo vệ đất ruộng cơ bản, phạm vi bảo vệ sinh thái, phạm vi giới hạn tăng trưởng đô thị, quy hoạch phát triển khu vực thành phố, ngoại ô và nông thôn xung quanh, dành không gian phát triển bền vững cho thế hệ sau.

Cần quán triệt quan điểm lấy con người làm gốc, tôn trọng thiên nhiên, kế thừa lịch sử và môi trường sinh thái xanh vào trong toàn bộ quá trình quy hoạch đô thị. Chuyển từ quy hoạch mở rộng sang giới hạn khu vực đô thị, tối ưu hóa quy hoạch kết cấu không gian, xác định một cách hợp lý định vị và hình thái chức năng đô thị, tăng cường quản lý công tác khai thác và sử dụng không gian đô thị, phân chia một cách hợp lý “3 khu 4 tuyến” của đô thị (khu vực cấm xây dựng, khu vực hạn chế xây dựng, khu vực được xây dựng; và tuyến cây xanh, tuyến mặt nước, tuyến bảo tồn, tuyến hạ tầng kỹ thuật) xác định quy mô, giới hạn khai thác, cường độ khai thác và không gian cần bảo vệ của khu vực đô thị một cách hợp lý.

- Cần thể hiện rõ chính sách công cộng của quy hoạch. Cần triệt để loại bỏ tư tưởng sai lầm “quy hoạch thuộc về kẻ mạnh”, cần chuyển hướng quy hoạch chủ yếu phục vụ tầng lớp quý tộc và các chuyên gia sang phục vụ cho người dân và xã hội, thay đổi phương thức quy hoạch “kín trước đây hướng sang phổ biến và thu hút người dân tham gia, thực hiện kết nối và hài hòa mối quan hệ giữa các quần thể lợi ích khác nhau trong xã hội, cố gắng đáp ứng tối đa nhu cầu của toàn thể thành viên trong xã hội.

**4. Xử lý êm đẹp mối quan hệ giữa các cấp quy hoạch**

Trong quá trình xây dựng đô thị hóa mô hình mới, *thứ nhất* cần xác lập vị trí thống lĩnh của quy hoạch hệ thống đô thị đối với quy hoạch tổng thể thành phố, huyện tự trị và quy hoạch thị trấn. Quy hoạch hệ thống đô thị bao gồm: quy hoạch hệ thống đô thị khu vực tỉnh, quy hoạch hệ thống đô thị thuộc thành phố và châu tự trị, quy hoạch bố cục không gian huyện, thị hoặc thị trấn, sử dụng làm căn cứ để chỉ đạo phân chia giới hạn tăng trưởng và tuyến đồ sinh thái của các thành phố, huyện tự trị và thị trấn trong khu vực, lập quy hoạch tổng thể đô thị, quy hoạch tổng thể huyện tự trị và quy hoạch thị trấn.

*Thứ hai* cần xác định rõ mối quan hệ giữa quy hoạch tổng thể, quy hoạch bắt buộc và quy hoạch chuyên ngành. Quy hoạch tổng thể là căn cứ để xây dựng và quản lý đô thị, quy hoạch bắt buộc đảm nhận nhiệm vụ triển khai quy hoạch tổng thể, xác định các yêu cầu cụ thể về tính chất và cường độ sử dụng đất, quy hoạch chuyên ngành đảm nhận nhiệm vụ triển khai phần khung và chống đỡ cho quy hoạch tổng thể. Sau khi được chính quyền nhân dân thành phố và huyện phê duyệt thực hiện thì quy hoạch chuyên ngành và quy hoạch chi tiết bắt buộc trở thành bản quy hoạch có đầy đủ hiệu lực pháp luật, là căn cứ pháp định để đề xuất những điều kiện quy hoạch xây dựng dự án và thực hiện phê duyệt quy hoạch.

**5. Tăng cường công tác thực hiện và quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn**

Hiện nay, tỉnh Hồ Nam đang chỉnh sửa “Biện pháp thực thi Luật quy hoạch đô thị và nông thôn nước CHND Trung Hoa” (dưới gọi tắt là “Biện pháp thực thi”) của tỉnh Hồ Nam”, hi vọng trong năm nay sẽ chính thức ban hành. “Biện pháp thực thi” sau khi chỉnh sửa sẽ phát huy vai trò quan trọng đối với việc nâng cao trình độ pháp chế hóa, tăng cường thực thi và quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn, đồng thời dẫn dắt đô thị hóa phát triển bền vững.

Trong năm 2015, Sở Xây dựng Nhà ở, đô thị và nông thôn tỉnh Hồ Nam sẽ phối hợp với các ban ngành hữu quan, nắm bắt công tác thực thi và quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn, căn

cứ theo quy định trong “Biện pháp xử phạt đối với hành vi vi phạm pháp luật quy định của quy hoạch đô thị và nông thôn”, triển khai tăng cường kiểm tra công tác triển khai luật quy hoạch đô thị và nông thôn và biện pháp thực thi đối với chính quyền các cấp, đơn vị quản lý hành chính quy hoạch, đơn vị quản lý hành chính hữu quan, đơn vị và cá nhân xây dựng, đơn vị thiết kế quy hoạch, nếu phát hiện có sai phạm yêu cầu đơn vị giám sát kỷ luật xử lý theo

đúng quy định. Thông qua các trường hợp xử lý vi phạm pháp luật và quy định để đảm bảo tính nghiêm túc và quyền hạn của quy hoạch đô thị và nông thôn.

**Diệp Minh - Dẫn Ninh Quyền**

*Nguồn: Báo Xây dựng Trung Quốc,  
ngày 18/12/2014)*

**ND: Hoàng Đại Hải**

## **Tỉnh Giang Tô (Trung Quốc) xây dựng nông thôn có chất lượng cuộc sống cao**

Tỉnh Giang Tô là một tỉnh tiêu biểu về xây dựng nông thôn mới ở Trung Quốc, với nhiều sáng kiến trong việc đẩy nhanh cải thiện diện mạo môi trường và điều kiện sản xuất, sinh hoạt nông thôn, xây dựng hình thái nông thôn chất lượng cao, lấy trọng điểm là việc xử lý rác thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, nguồn ô nhiễm công nghiệp, chất thải nông nghiệp, sông suối ao hồ..., nỗ lực thúc đẩy xây dựng môi trường nông thôn, hình thành diện mạo nông thôn với hệ sinh thái tươi đẹp, di sản phong phú.

### **1. Thành phố Nam Kinh: Xử lý toàn diện môi trường nông thôn**

Nam Kinh kết hợp chặt chẽ việc xử lý tổng hợp đất đai, xây dựng các cộng đồng mới, thành phố, thị trấn mới, các công trình cơ sở vật chất nông nghiệp, các dịch vụ công cộng nông thôn và bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện nhất thể hóa đô thị và nông thôn. Lấy các khu vực ven theo tuyến đường giao thông chính, các khu cư trú tập trung tại thành phố và thị trấn, các khu khai thác, khu danh lam thắng cảnh... làm các khu vực trọng điểm để tăng cường đẩy mạnh việc xử lý rác thải sinh hoạt, khơi thông ao hồ và các nguồn ô nhiễm từ công nghiệp. Ngoài ra, thành phố Nam Kinh còn chú trọng loại bỏ dần các làng nhỏ lẻ, phân tán, chỉ đạo người dân tập trung tại các làng trung tâm,

các thị trấn và thành phố, nâng cao sức tải và sức hấp dẫn của các làng trung tâm, các thành phố và thị trấn nhỏ.

### **2. Thành phố Thường Châu: 6 sáng kiến đảm bảo quản lý hiệu quả dài lâu**

Thành phố Thường Châu luôn kiên trì nguyên tắc thúc đẩy quản lý tổng hợp, tìm tòi và hình thành nên 6 mô hình quản lý hiệu quả dài lâu, nỗ lực xây dựng một môi trường sống và làm việc tốt đẹp. Đó là:

- Phát động rộng rãi, toàn dân hóa quản lý dài lâu.

Thành phố Thường Châu đã đưa việc quản lý môi trường nông thôn trở thành công tác trọng điểm để tiến hành triển khai, đánh giá, đồng thời lấy các thôn làm đơn vị để đưa ra các biên bản trách nhiệm bảo vệ môi trường. Vào đầu năm, lãnh đạo các thôn sẽ căn cứ tình hình phân bố của các tổ dân để ký kết biên bản trách nhiệm bảo vệ môi trường với các tổ trưởng tổ dân, ưu tiên sắp xếp cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, những người lao động trung niên khó khăn về việc làm tham gia công tác bảo vệ môi trường thường ngày, từ đó xây dựng nên một đội ngũ quản lý cấp thôn và hình thành nên không khí cùng xây dựng, cùng quản lý.

- Tối ưu hóa quản lý, mạng lưới hóa quản lý.

Vận dụng phương pháp quản lý mạng lưới hóa, thông qua phương pháp này để xác định

người, cương vị, trách nhiệm, mục tiêu và phương pháp đánh giá trong quản lý môi trường nông thôn, đồng thời tiến hành đôn đốc kiểm tra 1 tuần 1 lần, đảm bảo vấn đề môi trường nông thôn được phát hiện kịp thời và được giải quyết nhanh chóng.

- Kết nối thị trường, chuyên nghiệp hóa công tác quản lý.

Đối với các khu vực thị trấn và một số làng lớn có mật độ cư trú tập trung, tích cực triển khai mô hình quản lý chuyên nghiệp hóa, tức thông qua các công ty bảo vệ môi trường để sử dụng các nhân viên làm sạch môi trường. Tiến hành quản lý, bảo vệ định kỳ thường ngày một cách chuyên nghiệp đối với công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ sông hồ, xanh hóa ... tại các thôn làng. Tại một số khu vực đô thị hóa, thực hành quản lý thị trường hóa một cách chuyên nghiệp, thực hiện các tác nghiệp, làm sạch, vận chuyển theo tiêu chuẩn.

- Điều chỉnh chức năng, thống nhất hóa quản lý.

Phạm vi công tác quản lý, bảo vệ môi trường nông thôn rất rộng, có sự đan xen chức năng quản lý của các cơ quan vì thế rất khó trong việc quản lý hiệu quả lâu dài. Vì vậy, thành phố Thường Châu đã tiến hành điều chỉnh chức năng quản lý của các làng quê và thị trấn nhằm giải quyết có hiệu quả các vấn đề khó khăn, hiệu suất thấp trong quản lý.

- Lấy các làng làm chủ đạo, tổ hợp hóa việc quản lý các làng quê.

Xác định rõ cấp thôn là chủ thể trách nhiệm trong quản lý xử lý môi trường nông thôn, đồng thời dựa vào sự chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan vệ sinh môi trường cấp thị trấn, lấy các thôn làm đơn nguyên cơ bản để tích cực xem xét, bố trí các đơn vị vệ sinh môi trường cấp thôn. Rác thải được nhân viên vệ sinh của thôn thu gom và tiến hành xử lý phân loại, các sông hồ, đường sá, công tác xanh hóa cũng được quản

lý bảo vệ định kỳ.

- Hợp tác lao động, đa dạng hóa quản lý.

Thành lập các tổ hợp tác lao động cấp thôn để cung cấp các dịch vụ bảo vệ môi trường làng quê, quản lý bảo vệ sông hồ, trồng cây xanh...

### **3. Thành phố Thái Châu: Chú trọng nâng cao đời sống người dân, xây dựng làng quê tươi đẹp**

Thái Châu luôn chủ động đáp ứng những yêu cầu mới trong phát triển nông thôn, thuận theo những kỳ vọng mới của người dân nông thôn thông qua xử lý môi trường, cải thiện diện mạo làng quê, nâng cao hình tượng chính thể của thành phố Thái Châu, đồng thời giải quyết các vấn đề và khó khăn liên quan tới những lợi ích thiết thực của người dân nông thôn. Thành phố Thái Châu cũng hết sức nỗ lực trong việc xử lý rác thải sinh hoạt làng quê, ưu tiên xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu cho người dân như đường sá, hệ thống cấp thoát nước, thu gom vận chuyển rác thải...

### **4. Thành phố Dương Châu: Nâng cao chất lượng sống tại các làng quê**

Đối với các làng mang bản sắc nông thôn đặc sắc, Dương Châu nhấn mạnh bảo vệ hình thái tự nhiên của các làng quê, đi theo con đường xử lý ô nhiễm dạng sinh thái. Đối với các làng có đặc điểm nhân văn nổi bật, Dương Châu tiến hành tu bổ, bảo vệ các công trình truyền thống, lưu lại những nét văn hóa nông canh, các phong tục tập quán, các loại hình nghệ thuật, công nghệ, võ nghệ dân gian và đi theo con đường xử lý ô nhiễm trên cơ sở bảo vệ. Đối với các làng có các ngành nghề đặc sắc, nổi bật, Dương Châu sẽ đi theo con đường xử lý ô nhiễm trên cơ sở phát triển các ngành nghề.

**Hải Dương**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 9/2013*

**ND: Kim Nhạn**

# HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2014 VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2015 CỦA VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2015



Thủ tướng Bùi Phạm Khánh phát biểu chỉ đạo Hội nghị



Thủ tướng Bùi Phạm Khánh trao cờ thi đua khen thưởng  
cho lãnh đạo Viện KTXD